DANH SÁCH ĐIỂM GIÁO DỤC THỂ CHẤT K5 - (2017-2021)

TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	NơI sinh	Ngành	HP1	HP2	HP3	Điểm TB	Ghi chú
1	1553810237	Nguyễn ánh	Tuyết	K4LUATA				Luật	6,7	6,2	6,1		Đạt
2	1553410055	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	K3QTKD				Quản trị kinh doanh	6,2	6,7	7,9		Đạt
3	1557610158	V□ơng Thị Thanh	Tâm	K3CTXHA	20/11/1997			Công tác xã hội	6,4	6,2	5,8		Đạt
4	1657610144	Nguyễn Thị Nh□	Quỳnh	K4CTXHA	10/12/1998		Tỉnh Lai Châu	Công tác xã hội	5,8	4	5,6		Đạt
5	1657610010	Nguyễn Ph□ơng	Anh	K4CTXHB	16/08/1998		Tỉnh Hòa Bình	Công tác xã hội	6,3	5,3	5		Đạt
6	1653810180	Sòi Kim	Quyên	K4LUATA	25/09/1998		Tỉnh Điện Biên	Luật	6,8	6,7	7,4		Đạt
7	1653810201	Lê Thị Ph□ơng	Thảo	K4LUATA	05/10/1997		Tỉnh Bắc Giang	Luật	7,3	7,9	8,4		Đạt
8	1653810121	Tô Thu Nhật	Linh	K4LUATB	09/11/1997		Tỉnh Hà Nam	Luật	7,8	6,1	6,7		Đạt
9	1653810113	Lò Thảo	Linh	K4LUATC	03/09/1998		Tỉnh Lai Châu	Luật	6,7	7,1	6,4		Đạt
10	1653410021	Vũ Thị Ngọc	ánh	K4QTKDA	11/02/1998		Tỉnh Hà Nam	Quản trị kinh doanh	6,4	6,7	7,3		Đạt
11	1653410399	Lê V□ơng	Minh	K4QTKDA	17/10/1995			Quản trị kinh doanh	6,7	6,2	6,1		Đạt
12	1653410092	Nguyễn Thảo	Nhi	K4QTKDA	24/11/1998		Tỉnh Yên Bái	Quản trị kinh doanh	6,2	6,7	7,9		Đạt
13	1653410017	Nguyễn Nhật	ánh	K4QTKDB	08/06/1998		Tp Hà Nội	Quản trị kinh doanh	6,3	5,6	5		Đạt
14	1653410036	Mai Thị Thu	Hà	K4QTKDB	23/07/1998		Hải D□ơng	Quản trị kinh doanh	6,2	5	8		Đạt
15	1757610001	Đinh Thị Thu	An	K5CTXHA	09/03/1999	Nữ	Điện Biên	Công tác xã hội	7,3		5,8		
16	1757610002	Chu Thị Vân	Anh	K5CTXHA	08/07/1999	Nữ	Lạng Sơn	Công tác xã hội	7,3	8,8	7,9	**8**	Đạt
17	1757610005	Hoàng Thị Ph□ơng	Anh	K5CTXHA	26/12/1999	Nữ	Hà Nội	Công tác xã hội	6,7	7	6,5	**6,7**	Đạt
18	1757610004	Lý Ngọc	Anh	K5CTXHA	20/05/1999	Nữ	Tuyên Quang	Công tác xã hội	8,8				
19	1757610006	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	K5CTXHA	01/01/1998	Nữ	Quảng Trị	Công tác xã hội	7	8,8	6,4	**7,4**	Đạt
20	1757610007	Nông Ngọc	ánh	K5CTXHA	13/09/1999	Nữ	Lạng Sơn	Công tác xã hội	6	7,3	5,2	**6,2**	Đạt
21	1757610008	Bùi Thị	Bích	K5CTXHA	19/10/1999	Nữ	Tỉnh Hòa Bình	Công tác xã hội	7,3	8,2	5,7	**7,1**	Đạt
22	1757610009	Cà Thị	Biên	K5CTXHA	16/05/1999	Nữ	Điện Biên	Công tác xã hội	8,2	7,3	6,7	**7,4**	Đạt
23	1757610011	Giàng Khóa	De	K5CTXHA	15/09/1998	Nữ	Điện Biên	Công tác xã hội	7,9	7,9	8,1	**8**	Đạt
24	1757610016	Ly Thị	Dua	K5CTXHA	12/05/1999	Nữ	Yên Bái	Công tác xã hội	8,2	7,4	7,6	**7,7**	Đạt
25	1757610017	Giàng Thị	Dùa	K5CTXHA	12/10/1999	Nữ	Lai Châu	Công tác xã hội	7,9	8,8	8,8	**8,5**	Đạt
26	1757610018	Hạng Thị	Dung	K5CTXHA	04/04/1999	Nữ	Lai Châu	Công tác xã hội	7,9	7,9	7	**7,6**	Đạt
27	1757610019	Triệu Thị	D□ơng	K5CTXHA	22/07/1999	Nữ	Cao Bằng	Công tác xã hội	7,3	9,4	8,4	**8,4**	Đạt
28	1757610014	Hà Thị	Đợi	K5CTXHA	29/03/1999	Nữ	Sơn La	Công tác xã hội	8,5	7,9	5,8	**7,4**	Đạt
29	1757610020	Nguyễn Chúc	Giang	K5CTXHA	10/11/1997	Nữ	Sóc Trăng	Công tác xã hội	9,1	7,9	7,1	**8**	Đạt
30	1757610022	Đinh Thị Kim	Giao	K5CTXHA	06/12/1998	Nữ	Gia Lai	Công tác xã hội	6,9	8,2	6,9	**7,3**	Đạt
31	1757610024	Đinh Thu	Hà	K5CTXHA	07/02/1999	Nữ	Cao Bằng	Công tác xã hội	7,9	8,8	7,3	**8**	Đạt
32	1757610026	Bế Thị Hà	Hải	K5CTXHA	02/12/1999	Nữ	Cao Bằng	Công tác xã hội	7	7,3	6,2	**6,8**	Đạt
33	1757610028	Chang Mỳ	Hiền	K5CTXHA	11/06/1999	Nữ	Điện Biên	Công tác xã hội	7,6	7,6	8,1	**7,8**	Đạt
34	1757610029	Lại Thị	Hiền	K5CTXHA	03/03/1999	Nữ	Tuyên Quang	Công tác xã hội	7,9				
35	1757610030	Bùi Thị	Hoa	K5CTXHA	19/05/1999	Nữ	Tỉnh Hòa Bình	Công tác xã hội	7,6	9,4	8,5	**8,5**	Đạt
36	1757610032	Lèng Thị	Hoan	K5CTXHA	20/10/1999	Nữ	Lai Châu	Công tác xã hội	8,1	9,1	7,4	**8,2**	Đạt
37	1757610033	Nguyễn Thị	Huệ	K5CTXHA	15/10/1999	Nữ	Bắc Giang	Công tác xã hội	7,9	7	7	**7,3**	Đạt
38	1757610036	Tăng Thị	Huyền	K5CTXHA	02/01/1999	Nữ	Nghệ An	Công tác xã hội	7,3	5,8	5,5	**6,2**	Đạt
39	1757610037	Lò Thị	Lai	K5CTXHA	16/12/1999	Nữ	Điện Biên	Công tác xã hội	7,9	8,2	6,8	**7,6**	Đạt
40	1757610039	Nguyễn Thị Hồng	Lan	K5CTXHA	25/05/1999	Nữ	Tỉnh Phú Thọ	Công tác xã hội	7,6	6,4	6,4	**6,8**	Đạt
41	1757610038	Vũ Việt	Lâm	K5CTXHA	11/10/1999	Nam		Công tác xã hội			5,6		

42	1757610040	Hà Thị Thùy	Linh	K5CTXHA	10/10/1999	Nữ	Sơn La	Công tác xã hội	7,6	8,8	7,6	**8**	Đạt
43	1757610041	Lò Thị Hiền	Linh	K5CTXHA	30/04/1998	Nữ	Điện Biên	Công tác xã hội	7,9	7,9	7,3	**7,7**	Đạt
44	1757610042	Nguyễn D□ơng	Linh	K5CTXHA	26/09/1999	Nữ	Phú Thọ	Công tác xã hội	6,1	6,1	6,7	**6,3**	Đạt
45	1757610043	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	K5CTXHA	28/08/1999	Nữ	Hà Tây	Công tác xã hội	7,6	6,1	6,4	**6,7**	Đạt
46	1757610044	Lý Phi	Long	K5CTXHA	20/08/1999	Nam	Lai Châu	Công tác xã hội	5,2	8,3	7,7	**7,1**	Đạt
47	1757610047	Nguyễn Thị	Mão	K5CTXHA	14/01/1999	Nữ	Hà tây	Công tác xã hội	8,8	5,8	7	**7,2**	Đạt
48	1757610049	Cà Thị	Nghiên	K5CTXHA	15/02/1999	Nữ	Điện Biên	Công tác xã hội	8,5	7,6	7,7	**7,9**	Đạt
49	1757610050	Bùi Thị Minh	Ngọc	K5CTXHA	14/09/1999	Nữ	Yên Bái	Công tác xã hội	7,3	6,7	7,9	**7,3**	Đạt
50	1757610051	Hoàng Thị Thảo	Nhi	K5CTXHA	19/11/1999	Nữ	Lạng Sơn	Công tác xã hội	7,9	6,4	5,8	**6,7**	Đạt
51	1757610052	Vũ Thị Ph□ơng	Nhung	K5CTXHA	16/04/1999	Nữ	Hải D□ơng	Công tác xã hội	6,4	6,1	8	**6,8**	Đạt
52	1757610053	Hoàng Thị Kim	Oanh	K5CTXHA	28/09/1999	Nữ	Tỉnh Lạng Sơn	Công tác xã hội	7,9	7,3	6,1	**7,1**	Đạt
53	1757610054	Lò Thị	Oanh	K5CTXHA	12/02/1999	Nữ	Sơn La	Công tác xã hội	8,2	9,4	6,7	**8,1**	Đạt
54	1757610058	Triệu Mùi	Sâu	K5CTXHA	01/04/1998	Nữ	Cao Bằng	Công tác xã hội	8,5	9,4	7,3	**8,4**	Đạt
55	1557610157	Trần Thị Thanh	Tâm	K5CTXHA	06/07/1997	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	Công tác xã hội					
56	1757610060	Lò Thị	Thanh	K5CTXHA	31/05/1999	Nữ		Công tác xã hội					
57	1757610061	Lò Thị	Thanh	K5CTXHA	07/08/1999	Nữ	Tỉnh Điện Biên	Công tác xã hội	8,5	7,3	7,1	**7,6**	Đạt
58	1757610062	Nguyễn Thị Hà	Thanh	K5CTXHA	28/05/1999	Nữ	Gia Lai	Công tác xã hội	7,3	5,2	5,8	**6,1**	Đạt
59	1757610063	Điền Thanh	Thảo	K5CTXHA	09/11/1999	Nữ	Lào Cai	Công tác xã hội	8,9	5,5	7,4	**7,3**	Đạt
60	1757610064	Đinh Thị	Thảo	K5CTXHA	18/09/1999	Nữ	Nam Định	Công tác xã hội	7,8	6,1	5,5	**6,5**	Đạt
61	1757610059	Quàng Thị	Thắm	K5CTXHA	10/01/1999	Nữ	Tỉnh Điện Biên	Công tác xã hội	8,2	6,4	6,7	**7,1**	Đạt
62	1757610066	Lý Thị	Thủy	K5CTXHA	20/12/1999	Nữ	Yên Bái	Công tác xã hội	7,9	7,9	6,1	**7,3**	Đạt
63	1757610071	Đỗ Thị Thùy	Trang	K5CTXHA	05/08/1999	Nữ	H□ng Yên	Công tác xã hội	8,5	7	5,5	**7**	Đạt
64	1757610067	Nguyễn Hiền	Trang	K5CTXHA	27/06/1999	Nữ	Hà Nội	Công tác xã hội	7,6	7	6,7	**7,1**	Đạt
65	1757610068	Tạ Thị Ph□ơng	Trang	K5CTXHA	31/01/1998	Nữ	Hà Tây	Công tác xã hội					
66	1757610069	Vi Thị	Trang	K5CTXHA	05/07/1999	Nữ	Lạng Sơn	Công tác xã hội	6,7		6,6		
67	1757610072	Thào Thị	Tùng	K5CTXHA	17/10/1999	Nữ	Lào Cai	Công tác xã hội	7,6	7	6,7	**7,1**	Đạt
68	1757610075	Giàng Thị	Vang	K5CTXHA	19/03/1999	Nữ	Lai Châu	Công tác xã hội	7,3	8,5	7,6	**7,8**	Đạt
69	1757610073	Hồ Dạ	Vân	K5CTXHA	10/08/1999	Nữ	Thanh Hóa	Công tác xã hội	8,2	7,6	7,4	**7,7**	Đạt
70	1757610074	Lang Thị	Vân	K5CTXHA	01/09/1991	Nữ	Nghệ An	Công tác xã hội					
71	1757610076	Hoàng Thị	Vui	K5CTXHA	05/02/1999	Nữ	Cao Bằng	Công tác xã hội	8,8	7	6,2	**7,3**	Đạt
72	1757610078	Thào Thị	Xoa	K5CTXHA	12/06/1998	Nữ	Lào Cai	Công tác xã hội	7,9	7,9	7,1	**7,6**	Đạt
73	1757610079	Sùng Thị Bích	Xuân	K5CTXHA	01/12/1999	Nữ	Hà Giang	Công tác xã hội	7,3	6,1	7,3	**6,9**	Đạt
74	1757610081	Rơ Châm H'	Xuyên	K5CTXHA	20/11/1999	Nữ	Gia Lai	Công tác xã hội	8,5	8,2	6,1	**7,6**	Đạt
75	1757610083	Hà Thị Hải	Yến	K5CTXHA	04/03/1999	Nữ	Phú Thọ	Công tác xã hội	6,7	8,2	7,3	**7,4**	Đạt
76	1757610082	Nguyễn Thị	Yến	K5CTXHA	16/03/1999	Nữ	Hà Tây	Công tác xã hội	7,9	6,4	5,6	**6,6**	Đạt
77	1753190001	Đàm Thị	An	K5GIOIA	06/07/1999	Nữ		Giới và Phát triển	6,1	7,3	5,1	**6,2**	Đạt
78	1753190003	Bùi Thị Ph□ơng	Anh	K5GIOIA	23/08/1998	Nữ		Giới và Phát triển	8,4	8,7	8,3	**8,5**	Đạt
79	1753190004	Lê Hải	Anh	K5GIOIA	08/09/1999	Nữ		Giới và Phát triển	8,2	5,5	7	**6,9**	Đạt
80	1753190002	Mạc Thị Kim	Anh	K5GIOIA	24/05/1999	Nữ	Hải D□ơng	Giới và Phát triển	6,9	3,7	6,3		
81	1753190006	Nguyễn Xuân Quỳnh	Anh	K5GIOIA	12/11/1999	Nữ		Giới và Phát triển		5,3	7,2		
82	1753190009	Kiều Yến	Chi	K5GIOIA	29/07/1999	Nữ		Giới và Phát triển	8,4	7,9	5,9	**7,4**	Đạt
83	1753190010	Nguyễn Thị Việt	Chinh	K5GIOIA	28/07/1999	Nữ		Giới và Phát triển	7,3	5,2	6,7	**6,4**	Đạt
84	1753190011	Phạm Lan	Chinh	K5GIOIA	08/10/1999	Nữ		Giới và Phát triển	6,7	5,2	5,8	**5,9**	Đạt
85	1753190012	Tr□ơng Văn	C□ờng	K5GIOIA	09/09/1998	Nam		Giới và Phát triển	6,9	6,8	7,7	**7,1**	Đạt
86	1753190013	Hờ Thị	Dậu	K5GIOIA	10/05/1999	Nữ		Giới và Phát triển	7,3	8,8	5,9	**7,3**	Đạt

87	1753190014	Phan Thị Ngọc	Diễm	K5GIOIA	07/03/1999	Nữ		Giới và Phát triển	6,4	8,6	6,7	**7,2**	Đạt
88	1753190016	Nguyễn H□ơng	Giang	K5GIOIA	30/12/1999	Nữ		Giới và Phát triển	8,2	6,1	6,1	**6,8**	Đạt
89	1753190017	Hoàng Hải	Hà	K5GIOIA	20/10/1999	Nữ		Giới và Phát triển	7,3	8,2	7,6	**7,7**	Đạt
90	1753190019	Nình Thị	Hà	K5GIOIA	15/08/1999	Nữ		Giới và Phát triển	7,9	7,6	6,4	**7,3**	Đạt
91	1753190020	Vũ Ngọc	Hà	K5GIOIA	27/05/1997	Nữ		Giới và Phát triển	7,6		6,4		
92	1753190021	Đặng Thị	Hiền	K5GIOIA	05/11/1998	Nữ		Giới và Phát triển	7,9	6,7	5,4	**6,7**	Đạt
93	1753190023	Bùi Ngọc	Hiệp	K5GIOIA	19/08/1998	Nữ		Giới và Phát triển	7,2	6,1	6,8	**6,7**	Đạt
94	1753190024	Lê Thị Minh	Hiếu	K5GIOIA	10/08/1999	Nữ		Giới và Phát triển	7,2	7,3	7,9	**7,5**	Đạt
95	1753190026	Giàng Ly	Hoa	K5GIOIA	18/06/1999	Nữ		Giới và Phát triển	8,5	9,7	8,2	**8,8**	Đạt
96	1753190025	Nguyễn Diệu	Hoa	K5GIOIA	23/09/1999	Nữ		Giới và Phát triển	8,5	6,3	6,9	**7,2**	Đạt
97	1753190027	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	K5GIOIA	03/11/1999	Nữ		Giới và Phát triển	6,4				
98	1753190028	Nguyễn Huy	Hoàng	K5GIOIA	02/10/1999	Nam	Lạng Sơn	Giới và Phát triển	5,5				
99	1753190029	Đinh Th.Hoàng Thúy	Hồng	K5GIOIA	23/03/1999	Nữ		Giới và Phát triển	7	5,9	5,3	**6,1**	Đạt
100	1753190030	Vi Thị	Huệ	K5GIOIA	02/07/1999	Nữ		Giới và Phát triển	7,3	6,7	7,4	**7,1**	Đạt
101	1753190033	Mai Thanh	Huyền	K5GIOIA	17/02/1999	Nữ		Giới và Phát triển	7,9	5,6	6,4	**6,6**	Đạt
102	1753190031	Ngô Thị	H□ơng	K5GIOIA	15/09/1999	Nữ		Giới và Phát triển	8,2	7,9	5,9	**7,3**	Đạt
103	1753190032	Nguyễn Thị Lan	H□ơng	K5GIOIA	22/06/1999	Nữ		Giới và Phát triển	7,6	7,3	7	**7,3**	Đạt
104	1753190034	Cà Thị	Kim	K5GIOIA	18/09/1999	Nữ		Giới và Phát triển	7,6	8,2	7,2	**7,7**	Đạt
105	1753190036	Giàng Thị	Lan	K5GIOIA	04/01/1999	Nữ		Giới và Phát triển	8,8	9,1	7,7	**8,5**	Đạt
106	1753190037	Sùng Thị	Láu	K5GIOIA	12/07/1998	Nữ		Giới và Phát triển	7,5	9,4	6,7	**7,9**	Đạt
107	1753190041	Nguyễn Gia	Linh	K5GIOIA	25/05/1999	Nữ		Giới và Phát triển	6,1	7	7	**6,7**	Đạt
108	1753190043	Nguyễn Thị Khánh	Linh	K5GIOIA	21/09/1999	Nữ		Giới và Phát triển	6,4	5,5	5,5	**5,8**	Đạt
109	1753190038	Phan Hoài	Linh	K5GIOIA	18/12/1999	Nữ		Giới và Phát triển	5,4	6,1	6,9	**6,1**	Đạt
110	1753190044	Chu Khánh	Ly	K5GIOIA	09/12/1999	Nữ		Giới và Phát triển	8,8	7,1	6,5	**7,5**	Đạt
111	1753190045	Lê Vân	Ly	K5GIOIA	16/03/1999	Nữ		Giới và Phát triển	7,9	6,1	5,1	**6,4**	Đạt
112	1753190046	Lê Hà	My	K5GIOIA	18/12/1999	Nữ		Giới và Phát triển	5,7	5	5,8	**5,5**	Đạt
113	1753190047	Nguyễn Trà	My	K5GIOIA	28/02/1999	Nữ		Giới và Phát triển	6,4		5,6		
114	1753190048	Giàng Thị	Mỷ	K5GIOIA	15/06/1999	Nữ		Giới và Phát triển	7	8,8	6,4	**7,4**	Đạt
115	1753190049	Nguyễn Thu	Ngân	K5GIOIA	26/12/1999	Nữ		Giới và Phát triển	7,6	7,6	5,2	**6,8**	Đạt
116	1753190050	Tráng Thị	Nguyên	K5GIOIA	26/11/1998	Nữ		Giới và Phát triển	6,1	7,9	5,3	**6,4**	Đạt
117	1753190052	Đỗ Hồng	Nhung	K5GIOIA	04/01/1999	Nữ	Hà Nội	Giới và Phát triển	7,9	5,8	6,4	**6,7**	Đạt
118	1753190053	Lê Thị Tố	Oanh	K5GIOIA	13/02/1999	Nữ		Giới và Phát triển	7,2	5,8	6,1	**6,4**	Đạt
119	1753190054	Pờ Ha	Pa	K5GIOIA	04/07/1999	Nữ		Giới và Phát triển	6,7	7,3	6,2	**6,7**	Đạt
120	1753190055	Bùi Thảo	Ph□ơng	K5GIOIA	30/10/1999	Nữ		Giới và Phát triển	6,3	5,5	7,8	**6,5**	Đạt
121	1753190057	Phạm Thị Thúy	Ph□ơng	K5GIOIA	19/09/1999	Nữ		Giới và Phát triển	6,9	5,8	6,1	**6,3**	Đạt
122	1753190060	Nguyễn Thị	Quỳnh	K5GIOIA	13/08/1999	Nữ		Giới và Phát triển	6,4	6,6	6,9	**6,6**	Đạt
123	1753190064	Nguyễn Thị	Thủy	K5GIOIA	27/10/1998	Nữ		Giới và Phát triển	6,4	5,5	5,9	**5,9**	Đạt
124	1753190065	Trần Thị Thu	Thủy	K5GIOIA	08/08/1999	Nữ		Giới và Phát triển	7,9	7,9	7,3	**7,7**	Đạt
125	1753190066	Chu Huyền	Trang	K5GIOIA	13/12/1999	Nữ		Giới và Phát triển	7,8	4,8	5	**5,9**	Đạt
126	1753190067	Phan Thu	Trang	K5GIOIA	13/05/1999	Nữ		Giới và Phát triển	7,2	7,6	5,8	**6,9**	Đạt
127	1753190069	Trần Thị Ngọc	Vân	K5GIOIA	07/12/1999	Nữ		Giới và Phát triển	7,3	6,4	6,8	**6,8**	Đạt
128	1753810003	Đinh Thị Vân	Anh	K5LUATA	04/07/1999	Nữ	Phú Thọ	Luật	6,4	5,2	6,4	**6**	Đạt
129	1753810004	Huỳnh Thị Mai	Anh	K5LUATA	03/09/1999	Nữ	Thanh Hóa	Luật	8,8	8,7	8,2	**8,6**	Đạt
130	1653810004	Ngô Thị Ngọc	Anh	K5LUATA	24/11/1996	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	Luật		8,2	7		
131	1753810007	Nguyễn Bảo	Anh	K5LUATA	10/12/1999	Nữ	Hà Nội	Luật	7,8	6,6	6,4	**6,9**	Đạt

132	1753810010	Nguyễn Thị Vân	Anh	K5LUATA	10/09/1998	Nữ	Hà Nội	Luật	7,9	8,1	8,4	**8,1**	Đạt
133	1753810026	Nguyễn Đức	Chung	K5LUATA	04/04/1999	Nam	Nam Định	Luật	7,3	9,1	8,3	**8,2**	Đạt
134	1753810027	Nguyễn Nh□	C□ờng	K5LUATA	03/11/1999	Nam	Hà Nội	Luật	7,3	5,7	8,2	**7,1**	Đạt
135	1753810034	Tô Ngọc	Diệp	K5LUATA	03/01/1999	Nữ	Thái Bình	Luật	6,7	6,6	7,5	**6,9**	Đạt
136	1753810037	Vũ Đình	Du	K5LUATA	10/02/1999	Nam	Nam Định	Luật	7,3	8,2	6,4	**7,3**	Đạt
137	1753810399	Hà Vũ	Duy	K5LUATA	28/01/1999	Nam		Luật		8			
138	1753810041	Siu	Đ□n	K5LUATA	04/01/1999	Nữ	Gia Lai	Luật	5,7	8,4	7,9	**7,3**	Đạt
139	1753810052	Nguyễn Thị Thu	Hà	K5LUATA	10/10/1999	Nữ	Lai Châu	Luật	7,3	7,9	9,1	**8,1**	Đạt
140	1753810053	Nông Thị Ngọc	Hà	K5LUATA	02/08/1999	Nữ	Cao Bằng	Luật	7,3	8,6	9,1	**8,3**	Đạt
141	1753810058	Hà Phi	Hải	K5LUATA	05/07/1995	Nam	Phú Thọ	Luật	6,6	8,9	7,7	**7,7**	Đạt
142	1753810067	Lê Thị Bích	Hạnh	K5LUATA	09/06/1999	Nữ	Thanh Hóa	Luật	5,2	5	6,4	**5,5**	Đạt
143	1753810065	Bạc Thị	Hằng	K5LUATA	01/02/1998	Nữ	Điện Biên	Luật	7,3	7,2	5,7	**6,7**	Đạt
144	1753810064	Cà Thị	Hằng	K5LUATA	04/98/1999	Nữ	Điện Biên	Luật	7,6				
145	1753810059	D□ơng Thị Thúy	Hằng	K5LUATA	10/08/1999	Nữ	Hà Tây	Luật	8,2	8,2	8,8	**8,4**	Đạt
146	1753810066	Nguyễn Thị	Hằng	K5LUATA	06/02/1999	Nữ	Thái Bình	Luật		5,8			
147	1753810060	Nguyễn Thị Thu	Hằng	K5LUATA	02/09/1998	Nữ	Bắc Ninh	Luật	7	6,1	7,9	**7**	Đạt
148	1753810076	Phan Thị	Hiền	K5LUATA	10/11/1999	Nữ	Hà Tĩnh	Luật	7	8,5	6,7	**7,4**	Đạt
149	1753810081	L□ơng Văn	Hoàng	K5LUATA	05/01/1998	Nam	Đắk Lắk	Luật	6,3	5,8	7,4	**6,5**	Đạt
150	1753810088	Trần Khánh	H□ng	K5LUATA	10/12/1999	Nam	Hà Nội	Luật	5,8	6,7	5,5	**6**	Đạt
151	1753810090	Trần Thị Lan	H□ơng	K5LUATA	05/09/1999	Nữ	Ninh Bình	Luật	7,9	5,2	5,7	**6,3**	Đạt
152	1753810094	Lê Diễm	Kiều	K5LUATA	08/04/1999	Nữ	Gia Lai	Luật	6,4	6,8	5,9	**6,4**	Đạt
153	1753810095	Tẩn Mí	Liều	K5LUATA	06/08/1998	Nữ	Lai Châu	Luật	6,6	7	7,4	**7**	Đạt
154	1753810098	Lê Đỗ Duy	Linh	K5LUATA	06/02/1999	Nam	Hà Tây	Luật	7,3	8,2	7	**7,5**	Đạt
155	1753810102	Nguyễn Thị Thùy	Linh	K5LUATA	10/03/1999	Nữ	Bắc Giang	Luật	8,2	5,7	6,5	**6,8**	Đạt
156	1753810099	Phạm Thị Hoài	Linh	K5LUATA	06/09/1999	Nữ	Phú Thọ	Luật	9,4	7,9	6,1	**7,8**	Đạt
157	1753810105	Trần Thị Diệu	Linh	K5LUATA	11/07/1999	Nữ	Hà Tây	Luật	8,8	5	5	**6,3**	Đạt
158	1753810108	Thân Xuân	Lộc	K5LUATA	08/03/1999	Nữ	Lạng Sơn	Luật	7	5,8	6,4	**6,4**	Đạt
159	1753810121	Nguyễn Tuấn	Nam	K5LUATA	04/10/1999	Nam	H□ng Yên	Luật	8,2	8,1	5,6	**7,3**	Đạt
160	1753810130	Lê Bích	Ngọc	K5LUATA	09/07/1999	Nữ	Hà Nội	Luật	6,7	6,2	5,8	**6,2**	Đạt
161	1653810164	Phan Thị	Nhi	K5LUATA	12/07/1998	Nữ	Tỉnh Quảng Trị	Luật	6,5		5,5		
162	1753810144	Nguyễn Thị Kiều	Phin	K5LUATA	08/08/1999	Nữ	Hà Tây	Luật	8,2	6	6,1	**6,8**	Đạt
163	1753810149	Nguyễn Thị	Ph□ơng	K5LUATA	09/04/1999	Nữ	Hà Tây	Luật	7,3				
164	1753810147	Nông Thị Mai	Ph□ơng	K5LUATA	02/04/1999	Nữ	Bắc Giang	Luật	7	7,6	8,5	**7,7**	Đạt
165	1753810148	Tạ Thị Hồng	Ph□ơng	K5LUATA	05/10/1999	Nữ	Hà Tây	Luật	9,1	5,6	6,9	**7,2**	Đạt
166	1753810154	Đỗ Nh□	Quỳnh	K5LUATA	08/08/1999	Nữ	Hà Nội	Luật	7,6	7,6	5,2	**6,8**	Đạt
167	1753810156	Nguyễn Thị	Sang	K5LUATA	08/05/1999	Nữ	Thanh Hóa	Luật	6,4	10	8,2	**8,2**	Đạt
168	1753810165	Nguyễn Xuân	Thành	K5LUATA	01/05/1999	Nam	Hà Tây	Luật	6,1	7,6	7,2	**7**	Đạt
169	1753810167	Lèo Thị Ph□ơng	Thảo	K5LUATA	05/03/1999	Nữ	Sơn La	Luật	6,7	5,6	7,4	**6,6**	Đạt
170	1753810166	Lê Thị	Thảo	K5LUATA	01/11/1999	Nữ	Thanh hóa	Luật	6,7	7,3	7,3	**7,1**	Đạt
171	1753810173	Trần Ph□ơng	Thảo	K5LUATA	02/06/1999	Nữ	Hà Nội	Luật	7,9	7	7	**7,3**	Đạt
172	1753810161	Nguyễn Quyết	Thắng	K5LUATA	10/09/1998	Nam	Vĩnh Phúc	Luật	6,1	8,2			
173	1753810178	Nguyễn Thị Kim	Thoa	K5LUATA	01/09/1999	Nữ	Hà Nội	Luật	7,6	6,7	6,2	**6,8**	Đạt
174	1753810180	Phạm Thị	Thỏa	K5LUATA	07/09/1999	Nữ	Phú Thọ	Luật	8,2	6,8	7,6	**7,5**	Đạt
175	1753810181	Lệnh Thị	Thu	K5LUATA	05/04/1999	Nữ	Hà Giang	Luật	7,6	8,5	6,7	**7,6**	Đạt
176	1753810184	Hoàng Thị Hồng	Th□ơng	K5LUATA	05/08/1999	Nữ	Thái Nguyên	Luật	7,3	8,2	7,3	**7,6**	Đạt

177	1753810192	Trịnh Kiều	Trang	K5LUATA	01/12/1999	Nữ	Thanh Hóa	Luật	7,9	7	5,9	**6,9**	Đạt
178	1753810197	Hạ Minh	Trí	K5LUATA	05/08/1999	Nam	Bắc Ninh	Luật	5,2	6,4	7	**6,2**	Đạt
179	1753810198	Phạm Diễm	Trinh	K5LUATA	04/12/1999	Nữ	Sóc Trăng	Luật	7,9	6,7	5,6	**6,7**	Đạt
180	1753810200	Nguyễn Khắc	Tú	K5LUATA	06/05/1999	Nam	Hà Tây	Luật	5,5	8,2	5,5	**6,4**	Đạt
181	1753810202	Nguyễn Văn	Tuấn	K5LUATA	08/07/1997	Nam	Hà Nội	Luật	8,8	6,4	8	**7,7**	Đạt
182	1753810201	Vi Anh	Tuấn	K5LUATA	02/01/1999	Nam	Hà Giang	Luật	6,3	9,4	8,7	**8,1**	Đạt
183	1753810206	Lê Thanh	Vi	K5LUATA	10/10/1999	Nữ	Hà Tây	Luật	7,9	7,2	0		
184	1753810002	Nguyễn Văn	An	K5LUATB	16/03/1999	Nam	Hà tây	Luật	7	7,9	5,4	**6,8**	Đạt
185	1753810005	L□ơng Minh	Anh	K5LUATB	19/01/1999	Nữ	Sơn La	Luật	7,9	6,9	5,8	**6,9**	Đạt
186	1753810013	Nguyễn Vũ Thục	Anh	K5LUATB	19/02/1999	Nữ	Nam Định	Luật	7,9	5,9	7,3	**7**	Đạt
187	1753810011	Phạm Vân	Anh	K5LUATB	16/02/1998	Nữ	Hải D□ơng	Luật	7,3		7,2		
188	1753810020	Đặng Thị Trang	ánh	K5LUATB	17/10/1999	Nữ	Hà Tây	Luật		4,6	2,4		
189	1753810017	Trần Thị	ánh	K5LUATB	13/12/1999	Nữ	Bắc Ninh	Luật	6,1	8,5	5,5	**6,7**	Đạt
190	1753810021	Lê Quốc	Bảo	K5LUATB	18/08/1999	Nam	Kom Tum	Luật	5,5	9	5,1	**6,5**	Đạt
191	1753810024	Phí Thị Thanh	Bình	K5LUATB	11/10/1999	Nữ	Thanh Hóa	Luật	7,6	7,6	8,4	**7,9**	Đạt
192	1753810025	Nguyễn Ngọc Vân	Chi	K5LUATB	14/12/1999	Nữ	Hải D□ơng	Luật	8,8	6,1	5,5	**6,8**	Đạt
193	1753810031	Giàng th?	Da?	K5LUATB	18/09/1998	Nữ	Sơn La	Luật	7,6	5,8			
194	1753810042	L□ơng Thị	Dung	K5LUATB	13/11/1999	Nữ	Lạng Sơn	Luật	8,5	5,8	6,4	**6,9**	Đạt
195	1753810044	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	K5LUATB	16/09/1999	Nữ	Ninh Bình	Luật	6,7	7	8,5	**7,4**	Đạt
196	1753810038	Hoàng Văn	Dự	K5LUATB	16/01/1999	Nam	Hà Tây	Luật	7,3	8,2	9,4	**8,3**	Đạt
197	1753810029	Phạm Thị Bích	Đào	K5LUATB	17/10/1999	Nữ	Thái Bình	Luật	8,2	8,2	5,8	**7,4**	Đạt
198	1753810040	Đinh Trung	Đức	K5LUATB	15/10/1999	Nam	Bắc Ninh	Luật	5,5	3,1	6,4		
199	1753810049	Vũ Hoàng	Giang	K5LUATB	17/07/1998	Nam	Sơn La	Luật					
200	1753810046	Vũ Thị Hà	Giang	K5LUATB	15/02/1998	Nữ	Hà Giang	Luật	6,4		5,5		
201	1753810051	Nguyễn Thị Thu	Hà	K5LUATB	13/12/1998	Nữ	Bắc Kan	Luật	8,2	8,5	7,5	**8,1**	Đạt
202	1753810056	Phùng Thị Thúy	Hà	K5LUATB	11/08/1999	Nữ	Hà Tây	Luật	7,9	4,6	5,9	**6,1**	Đạt
203	1753810057	Cao Thị	Hải	K5LUATB	16/02/1999	Nữ	Thanh hóa	Luật	6,7	4,6	5,2	**5,5**	Đạt
204	1753810068	Nguyễn Hồng	Hạnh	K5LUATB	13/12/1999	Nữ	Nam Định	Luật	7,6	7	5,4	**6,7**	Đạt
205	1753810071	Nguyễn Mỹ	Hạnh	K5LUATB	18/12/1999	Nữ	Hà Tây	Luật	7,9	6,1	5,5	**6,5**	Đạt
206	1753810062	Phạm Thị Thúy	Hằng	K5LUATB	13/04/1999	Nữ	Nghệ An	Luật	6,7	8,2	8,2	**7,7**	Đạt
207	1753810063	Trần Thị Việt	Hằng	K5LUATB	20/09/1999	Nữ	Hải D□ơng	Luật	6,7	5,5	5,8	**6**	Đạt
208	1753810073	Nguyễn Thị	Hiên	K5LUATB	14/04/1999	Nữ	Cao Bằng	Luật	7,3	6,4	6,6	**6,8**	Đạt
209	1753810075	Lý Thanh	Hiền	K5LUATB	18/05/1998	Nữ	Lạng Sơn	Luật	8,5	8,2	8,2	**8,3**	Đạt
210	1753810078	Nguyễn Minh	Hiếu	K5LUATB	18/11/1999	Nữ	Hà Giang	Luật	7		5,9		
211	1753810080	Giáp Thị Thu	Hoài	K5LUATB	15/05/1999	Nữ	Bắc Giang	Luật	7,9	7	6,7	**7,2**	Đạt
212	1753810082	Nguyễn Huy	Hoàng	K5LUATB	15/11/1999	Nam	H□ng Yên	Luật					
213	1753810084	Trịnh Thị	Hồng	K5LUATB	17/12/1999	Nữ	Hà Nội	Luật	8,2	6,4	7,4	**7,3**	Đạt
214	1753810087	Lò Văn	Hùng	K5LUATB	12/06/1999	Nam	Sơn La	Luật	5,5	7,9	9,2	**7,5**	Đạt
215	1753810089	D□ơng Thu	H□ơng	K5LUATB	15/05/1999	Nữ	Hà Nội	Luật	8,2	6,4	7,3	**7,3**	Đạt
216	1753810096	Bùi Diệu	Linh	K5LUATB	16/08/1999	Nữ	Hà Nội	Luật	7,9	8	8	**8**	Đạt
217	1753810101	Nguyễn Thùy	Linh	K5LUATB	18/05/1999	Nữ	Lai Châu	Luật	8,2	5,8	7	**7**	Đạt
218	1753810112	Nguyễn Hoàng	Ly	K5LUATB	19/12/1999	Nữ	Đắk Lắk	Luật	8,2	6	5,5	**6,6**	Đạt
219	1753810115	Lò Thị Xuân	Mai	K5LUATB	11/07/1999	Nữ	Sơn La	Luật	7	8,8	8,8	**8,2**	Đạt
220	1753810117	Nguyễn Ngọc	Mai	K5LUATB	12/04/1999	Nữ	Thái Nguyên	Luật	8,2	7,9	5,5	**7,2**	Đạt
221	1753810123	Kiều Việt	Nam	K5LUATB	20/08/1999	Nam	Phú Thọ	Luật	7	8,8	8,9	**8,2**	Đạt

222	1753810128	Đào Thị Minh	Ngọc	K5LUATB	18/10/1999	Nữ	Yên Bái	Luật					
223	1753810131	Trần Bích	Ngọc	K5LUATB	16/09/1999	Nữ	Lào Cai	Luật	5,5	5,2	6,5	**5,7**	Đạt
224	1753810132	Trịnh Thị	Ngọc	K5LUATB	12/09/1999	Nữ	Bắc Ninh	Luật	7,9	6,1	5,9	**6,6**	Đạt
225	1753810134	Nguyễn Hải	Nhi	K5LUATB	16/08/1999	Nữ	Hòa Bình	Luật	6,4	5,5			
226	1753810137	Nguyễn Thị	Nhung	K5LUATB	17/02/1998	Nữ	Vĩnh Phúc	Luật	6,8	6,4	5,9	**6,4**	Đạt
227	1753810139	Nguyễn Thị	Nhung	K5LUATB	20/01/1999	Nữ	Bắc Giang	Luật	5,7	6,4	7,3	**6,5**	Đạt
228	1753810138	Trịnh Tuyết	Nhung	K5LUATB	18/01/1999	Nữ	Hà tây	Luật	8,5	7,9	7,1	**7,8**	Đạt
229	1753810140	Vũ Mai	Ninh	K5LUATB	20/02/1999	Nam	Hà Nội	Luật	6,3	7	7	**6,8**	Đạt
230	1753810141	Nguyễn Thị	Oai	K5LUATB	13/08/1999	Nữ	Hà Tây	Luật	7,3	6,1	7,4	**6,9**	Đạt
231	1753810151	Nguyễn Trọng	Quang	K5LUATB	18/09/1999	Nam	Lai Châu	Luật	7,3	6,1	8	**7,1**	Đạt
232	1753810153	Vũ Thị Nh□	Quỳnh	K5LUATB	18/09/1999	Nữ	Hải Phòng	Luật	7,9	6,1	5,1	**6,4**	Đạt
233	1753810155	Nguyễn Đức Tấn	Sang	K5LUATB	21/01/1999	Nam	Tuyên Quang	Luật	5,2		6,4		
234	1753810157	Vũ Văn	Sinh	K5LUATB	13/02/1998	Nam	Hà tây	Luật	7	8,8	8,3	**8**	Đạt
235	1753810163	Lê Thị	Thanh	K5LUATB	13/02/1998	Nữ	Hà Tây	Luật	7,3	6,7	7,9	**7,3**	Đạt
236	1753810168	Nguyễn Thu	Thảo	K5LUATB	17/06/1999	Nữ	Lai Châu	Luật	8,2	5,5	5,3	**6,3**	Đạt
237	1753810182	Tr□ơng Thị Hoài	Th□ơng	K5LUATB	11/07/1999	Nữ	Nghệ An	Luật	8,8	7,6	7,9	**8,1**	Đạt
238	1753810194	Bùi Thị Thùy	Trang	K5LUATB	12/11/1999	Nữ	Hải D□ơng	Luật	7,3	7	8	**7,4**	Đạt
239	1753810195	Hoàng Thị Hà	Trang	K5LUATB	19/10/1999	Nữ	Vĩnh Phúc	Luật	7,9	7,6	7,1	**7,5**	Đạt
240	1753810189	Trần Thị Huyền	Trân	K5LUATB	17/08/1999	Nữ	Sóc Trăng	Luật	8,5	8,8	7,4	**8,2**	Đạt
241	1753810207	Phạm Thị Mai	Xuân	K5LUATB	16/07/1999	Nữ	Bắc Giang	Luật					
242	1753810208	Lê Kim	Yến	K5LUATB	20/11/1999	Nữ	Lai Châu	Luật	9,1	6,4	7,8	**7,8**	Đạt
243	1753810015	Nguyễn Ngọc	Anh	K5LUATC	29/06/1999	Nữ	Sơn La	Luật	6,7	6,3	6,1	**6,4**	Đạt
244	1753810009	Nguyễn Thị Ph□ơng	Anh	K5LUATC	23/03/1999	Nữ	Nghệ An	Luật	7	8,2	5,5	**6,9**	Đạt
245	1753810014	Nguyễn Thị Trang	Anh	K5LUATC	29/11/1999	Nữ	Hà Nội	Luật	7,5				
246	1753810012	Tống Đức	Anh	K5LUATC	23/07/1999	Nam	Ninh Bình	Luật	7,9	7,6	7,4	**7,6**	Đạt
247	1753810018	Trần Thị Minh	ánh	K5LUATC	25/06/1999	Nữ	Bắc Giang	Luật	7,3	7	5,6	**6,6**	Đạt
248	1753810019	Vũ Đào Ngọc	ánh	K5LUATC	23/01/1999	Nữ	Nam Định	Luật	7,3	4,8	6	**6**	Đạt
249	1753810022	V□ơng Thị	Bích	K5LUATC	28/05/1999	Nữ	Hà Giang	Luật	6,7	8	7,4	**7,4**	Đạt
250	1753810023	Nông Thị	Biên	K5LUATC	24/05/1999	Nữ	Lạng Sơn	Luật	7,9	7,9	6,4	**7,4**	Đạt
251	1753810032	Vi Thị	Diễm	K5LUATC	21/10/1999	Nữ	Bắc Giang	Luật	7,3	6,4	6,7	**6,8**	Đạt
252	1753810033	Lý Thị	Diện	K5LUATC	26/11/1999	Nữ		Luật	7	6,4	7,1	**6,8**	Đạt
253	1753810043	Trần Thị Thùy	Dung	K5LUATC	24/07/1999	Nữ	Hà Giang	Luật	9,1	6,1	6,1	**7,1**	Đạt
254	1753810030	Đàm Thành	Đạt	K5LUATC	29/11/1999	Nam	Hà Tây	Luật	7,3	10	8,3	**8,5**	Đạt
255	1753810028	Bùi Bạch Minh	Đăng	K5LUATC	29/09/1999	Nam	Bắc Ninh	Luật	6,6	6,4	7,7	**6,9**	Đạt
256	1753810039	Quàng Văn	Đức	K5LUATC	24/03/1999	Nam	Điện Biên	Luật	7	5,4	8,1	**6,8**	Đạt
257	1753810045	Đinh Thị	Giang	K5LUATC	29/05/1999	Nữ	Thái Bình	Luật	7	5,5	7	**6,5**	Đạt
258	1753810050	Đặng Hoàng	Hà	K5LUATC	21/03/1999	Nữ	Tuyên Quang	Luật	6,4	7,7	6,2	**6,8**	Đạt
259	1753810070	Vũ Thị	Hạnh	K5LUATC	21/11/1999	Nữ	Sơn La	Luật	8,2	7	7,1	**7,4**	Đạt
260	1753810061	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	K5LUATC	25/01/1999	Nữ	Hải Phòng	Luật	6,1	7	7,1	**6,7**	Đạt
261	1653810069	V□ơng Thúy	Hằng	K5LUATC	16/08/1998	Nữ	Tỉnh Lạng Sơn	Luật					
262	1753810074	Giáp Thị	Hiền	K5LUATC	25/08/1999	Nữ	Lạng Sơn	Luật	7,6	6,7	6,1	**6,8**	Đạt
263	1753810077	Triệu Thu	Hiền	K5LUATC	21/10/1999	Nữ	Cao Bằng	Luật	8,8	7	7,3	**7,7**	Đạt
264	1753810085	Nguyễn Thị	Hợp	K5LUATC	30/06/1999	Nữ	Hà Nội	Luật	8,5	7,2	5,9	**7,2**	Đạt
265	1753810092	Lâm Thu	Huyền	K5LUATC	22/09/1999	Nữ	Lào Cai	Luật	7,3	5,5	6,4	**6,4**	Đạt
266	1753810093	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	K5LUATC	29/06/1999	Nữ	H□ng Yên	Luật	5,2	5,5	6,3	**5,7**	Đạt

267	1753810091	Vũ Thị Thu	H□ơng	K5LUATC	23/04/1999	Nữ	Nam Định	Luật	7,9	6,4	7	**7,1**	Đạt
268	1753810097	Đặng Thị Châu	Linh	K5LUATC	28/01/1999	Nữ	Quảng Trị	Luật	8,2	9,8	7,1	**8,4**	Đạt
269	1753810100	Lê Ngọc	Linh	K5LUATC	23/01/1999	Nữ	Lai Châu	Luật	7	7,9	8,3	**7,7**	Đạt
270	1753810103	Nguyễn Thị Diệu	Linh	K5LUATC	24/05/1999	Nữ	Hà Tây	Luật	7	6,2	7,3	**6,8**	Đạt
271	1753810104	Nguyễn Tú	Linh	K5LUATC	21/09/1999	Nữ	Hải D□ơng	Luật					
272	1753810106	Tống Thị	Loan	K5LUATC	28/03/1999	Nữ	Thái bình	Luật	8,5	6,2	7,9	**7,5**	Đạt
273	1753810109	Nguyễn Thị	Luật	K5LUATC	31/07/1999	Nữ	Hà Nội	Luật	7,6	6,4	5,4	**6,5**	Đạt
274	1753810111	Nguyễn Hà	Ly	K5LUATC	26/09/1999	Nữ	Thái Bình	Luật	7	5,8	5,5	**6,1**	Đạt
275	1753810116	Nguyễn Thị	Mai	K5LUATC	25/09/1999	Nữ	Quảng Ninh	Luật	7	6,2	7,2	**6,8**	Đạt
276	1753810118	Hà Đức	Mạnh	K5LUATC	27/03/1999	Nam	Hà Nam	Luật	5,5	6,2	7,2	**6,3**	Đạt
277	1753810119	Trịnh Thị Ngọc	Minh	K5LUATC	29/03/1999	Nữ	Hà Nội	Luật		6	6,8		
278	1753810120	Nguyễn Hoài	Nam	K5LUATC	27/02/1999	Nam	Bắc Ninh	Luật	6,7	8,8	6	**7,2**	Đạt
279	1753810124	Lục Thị	Nga	K5LUATC	22/10/1998	Nữ	Cao Bằng	Luật	8,5	7,8	6,1	**7,5**	Đạt
280	1753810125	Trần Thúy	Nga	K5LUATC	22/05/1999	Nữ	Sơn La	Luật	8,2	8,7	6,4	**7,8**	Đạt
281	1753810126	Phạm Kim	Ngân	K5LUATC	26/04/1999	Nữ	Hà Nam	Luật	6,4	6	5,2	**5,9**	Đạt
282	1753810127	Nguyễn Thị Hoàng	Ngoan	K5LUATC	22/02/1999	Nữ	Đắk Lắk	Luật	7,6	9,1	6,7	**7,8**	Đạt
283	1753810129	Hoàng Thị Bích	Ngọc	K5LUATC	28/06/1999	Nữ	Yên Bái	Luật	7,6	7,9	9,4	**8,3**	Đạt
284	1753810135	Đoàn Ph□ơng	Nhung	K5LUATC	27/07/1999	Nữ	Quảng Bình	Luật	7,3	8,2	7,1	**7,5**	Đạt
285	1753810143	Lã Thị	Phấn	K5LUATC	27/01/1999	Nữ	Ninh Bình	Luật	6,7	6,4	5,7	**6,3**	Đạt
286	1753810150	Nguyễn Thị Thu	Ph□ơng	K5LUATC	22/07/1999	Nữ	Thanh Hóa	Luật	7,6	7,6	6,8	**7,3**	Đạt
287	1753810152	Trịnh Minh	Quang	K5LUATC	31/08/1999	Nam	Nam Định	Luật	7	8,1	6,1	**7,1**	Đạt
288	1753810158	Trần Ngọc	Sơn	K5LUATC	30/05/1996	Nam	Hòa Bình	Luật	6,1	8,6	7,9	**7,5**	Đạt
289	1753810159	Lại Thị	Tâm	K5LUATC	24/01/1999	Nữ	Thanh Hóa	Luật	6,9	6,2			
290	1753810160	Lê Hải	Tân	K5LUATC	28/08/1999	Nữ	Hà Tây	Luật	7	6,8	6,1	**6,6**	Đạt
291	1753810172	Nguyễn Thị Ph□ơng	Thảo	K5LUATC	28/04/1999	Nữ	Hà Tĩnh	Luật	6,7	7,6	5,6	**6,6**	Đạt
292	1753810175	Phạm Hồ Bích	Thảo	K5LUATC	22/10/1999	Nữ	Quảng Ninh	Luật					
293	1753810169	Trần Thị Ph□ơng	Thảo	K5LUATC	31/07/1999	Nữ	Hà Tây	Luật	9,1	9,1	5,9	**8**	Đạt
294	1753810162	Nguyễn Minh	Thắng	K5LUATC	25/11/1999	Nam	Hà tây	Luật	6,1	5,6			
295	1753810179	Nguyễn Thị	Thoa	K5LUATC	22/02/1999	Nữ	Thái Bình	Luật	7	7,3	7,2	**7,2**	Đạt
296	1753810188	Đào Thanh	Thủy	K5LUATC	27/11/1999	Nữ	Hà Nội	Luật	5,2	7			
297	1753810185	Hoàng Thị	Thủy	K5LUATC	27/02/1999	Nữ	Thái Nguyên	Luật	7,9	7,3	7,6	**7,6**	Đạt
298	1753810187	Vũ Thị	Thủy	K5LUATC	22/07/1999	Nữ	Hà Nội	Luật	7				
299	1753810183	Nguyễn Thị	Th□ơng	K5LUATC	22/05/1999	Nữ	Thái Bình	Luật	6,1	4,5			
300	1753810190	Bùi Quỳnh	Trang	K5LUATC	21/06/1999	Nữ	Hà Nội	Luật	8,4	6,7	5,8	**7**	Đạt
301	1753810196	Nguyễn Thị Thùy	Trang	K5LUATC	28/09/1999	Nữ	Thái Bình	Luật	8,5	5,8	5,8	**6,7**	Đạt
302	1753810193	Trần Thị Mai	Trang	K5LUATC	25/01/1999	Nữ	Hải Phòng	Luật	8,2	6,5	8,6	**7,8**	Đạt
303	1753810209	Trịnh H□ơng	Trang	K5LUATC	15/10/1999	Nữ	Điện Biên	Luật		5,8	5,4		
304	1753810204	Hoàng Thị Tố	Uyên	K5LUATC	27/10/1999	Nữ	Nghệ An	Luật	8,8	7,6	6,4	**7,6**	Đạt
305	1753810205	Bùi Nguyễn Quý	Vi	K5LUATC	22/08/1998	Nữ	Gia Lai	Luật	7,9	6,8	8	**7,6**	Đạt
306	1653410013	Đặng Ph□ơng	Anh	K5QTDLA	01/06/1998	Nữ	Tp Hà Nội	Quản trị du lịch và lữ hành					
307	1653410002	Hồ Nguyễn Quỳnh	Anh	K5QTDLA	07/09/1998	Nữ	Tp Hà Nội	Quản trị du lịch và lữ hành					
308	1753430001	Ngô Thị Vân	Anh	K5QTDLA	03/10/1999	Nữ	Thanh Hóa	Quản trị DL&LH	7,8	7,3	7,9	**7,7**	Đạt
309	1753430015	Hồ Thị	ánh	K5QTDLA	06/07/1999	Nữ	Nghệ An	Quản trị DL&LH	6,7	8,5	6,8	**7,3**	Đạt
310	1753430016	Lê Nhật	ánh	K5QTDLA	09/01/1999	Nam	Hà Nội	Quản trị DL&LH					
311	1653410025	Hứa Linh	Chi	K5QTDLA	19/12/1998	Nữ	Tp Hà Nội	Quản trị DL&LH					

312	1753430034	Nguyễn Tr□ờng	Giang	K5QTDLA	10/10/1999	Nam	Hà Nội	Quản trị DL&LH	5,7	7,3	5,9	**6,3**	Đạt
313	1753430033	Vũ H□ơng	Giang	K5QTDLA	11/08/1999	Nữ	Quảng Ninh	Quản trị DL&LH	6,6	7,3	5,6	**6,5**	Đạt
314	1753430038	Nguyễn Việt	Hà	K5QTDLA	03/08/1999	Nữ	Hà Nội	Quản trị DL&LH	7,3	6,4			
315	1753430045	Vũ Khánh	Hạ	K5QTDLA	11/04/1999	Nữ	Hà Nội	Quản trị DL&LH	6,7	8,2			
316	1753430053	Đào Hồng	Hạnh	K5QTDLA	01/04/1999	Nữ	Quảng Ninh	Quản trị DL&LH	6,7	5	5,8	**5,8**	Đạt
317	1753430056	Tô Thị	Hảo	K5QTDLA	04/05/1999	Nữ	Quảng Ninh	Quản trị DL&LH	6,7	7	5,4	**6,4**	Đạt
318	1753430049	Đinh Thúy	Hằng	K5QTDLA	05/05/1999	Nữ	Hà Nội	Quản trị DL&LH	6,4	5,2	6,6	**6,1**	Đạt
319	1753430047	Hoàng Minh	Hằng	K5QTDLA	09/08/1999	Nữ	Hà Giang	Quản trị DL&LH	6,7	7,6	6,6	**7**	Đạt
320	1753430046	Trần Thị	Hằng	K5QTDLA	02/09/1999	Nữ	Nam Định	Quản trị DL&LH	8,5	7	6,7	**7,4**	Đạt
321	1753430048	Trần Thị	Hằng	K5QTDLA	02/05/1999	Nữ	Nam Định	Quản trị DL&LH					
322	1753430058	Nguyễn Thu	Hiền	K5QTDLA	08/01/1999	Nữ	Hà Nội	Quản trị DL&LH	8,5	7,9	6,8	**7,7**	Đạt
323	1653410041	Ngô Trung	Hiếu	K5QTDLA	04/06/1998	Nam	Tp Hà Nội	Quản trị DL&LH					
324	1753430064	Nguyễn Thị	Hoa	K5QTDLA	04/08/1999	Nữ	Quảng Ninh	Quản trị DL&LH	7	7,6	6,5	**7**	Đạt
325	1753430069	Nguyễn Thị	Hồng	K5QTDLA	10/12/1999	Nữ	Thanh Hóa	Quản trị DL&LH	8,2	8,2	7	**7,8**	Đạt
326	1753430070	Vũ Thị Gia	Huệ	K5QTDLA	02/05/1999	Nữ	Hà Tây	Quản trị DL&LH		7,6			
327	1753430079	Nguyễn Thị Hằng	Huyền	K5QTDLA	08/04/1999	Nữ	Thanh Hóa	Quản trị DL&LH	7,2	8,2	6,4	**7,3**	Đạt
328	1753430077	Hoàng Thị	H□ờng	K5QTDLA	10/07/1999	Nữ	Yên Bái	Quản trị DL&LH	6,1	6,4	6,4	**6,3**	Đạt
329	1753430091	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	K5QTDLA	09/01/1999	Nữ	Thanh Hóa	Quản trị DL&LH	6,3	7,9			
330	1753430093	Đàm Diệu	Linh	K5QTDLA	03/06/1999	Nữ	Tỉnh Hà Giang	Quản trị DL&LH	7,3				
331	1653410073	Đỗ Khánh	Linh	K5QTDLA	10/05/1997	Nữ	Tuyên Quang	Quản trị DL&LH					
332	1753430092	Ngô Ph□ơng	Linh	K5QTDLA	07/05/1999	Nữ	Nam Định	Quản trị DL&LH	7,8	7,3	5,3	**6,8**	Đạt
333	1653410069	Nguyễn Thị Diệu	Linh	K5QTDLA	08/03/1998	Nữ	Tp Hà Nội	Quản trị DL&LH					
334	1653410070	Trần Ph□ơng	Linh	K5QTDLA	21/11/1998	Nữ	Tp Hà Nội	Quản trị DL&LH					
335	1753430104	Nguyễn H□ơng	Ly	K5QTDLA	06/07/1999	Nữ	Tp Hà Nội	Quản trị DL&LH	6,4	6,1			
336	1653410075	Phùng Khánh	Ly	K5QTDLA	21/01/1998	Nữ	Tp Hà Nội	Quản trị DL&LH					
337	1753430105	Trần Thanh	Ly	K5QTDLA	04/11/1999	Nữ	Hà Nội	Quản trị DL&LH	8,7	7,9	8,2	**8,3**	Đạt
338	1753430109	Tăng Thị	Mai	K5QTDLA	02/01/1999	Nữ	Nghệ An	Quản trị DL&LH	6,4	8,2			
339	1753430115	Hoàng Thị	Minh	K5QTDLA	05/06/1999	Nữ	Nghệ An	Quản trị DL&LH	6,7	9,1	6,5	**7,4**	Đạt
340	1753430117	Nguyễn Thị	Mơ	K5QTDLA	09/12/1999	Nữ	H□ng Yên	Quản trị DL&LH	7,2	5,8	6,1	**6,4**	Đạt
341	1653410080	Nguyễn Hà	My	K5QTDLA	06/01/1998	Nữ	Tp Hà Nội	Quản trị DL&LH					
342	1753430120	Cao Thị	Nga	K5QTDLA	11/04/1999	Nữ	Nghệ An	Quản trị DL&LH	6,9	8,5	6,7	**7,4**	Đạt
343	1753430126	Nguyễn Nh□	Ngọc	K5QTDLA	04/04/1999	Nữ	Hà Tây	Quản trị DL&LH	7,9	5,6	7,3	**6,9**	Đạt
344	1653410091	Nguyễn Anh Thảo	Nguyên	K5QTDLA	17/04/1998	Nữ	Tp Hà Nội	Quản trị DL&LH					
345	1753430137	Nguyễn Thị	Ninh	K5QTDLA	01/11/1999	Nữ	Thái Bình	Quản trị DL&LH	7,6	7,9	7,6	**7,7**	Đạt
346	1653410099	Nguyễn Thị Minh	Ph□ơng	K5QTDLA	11/05/1998	Nữ	Hà Nam	Quản trị DL&LH		5,8	5,5		
347	1753430146	Đinh Thị	Quỳnh	K5QTDLA	02/02/1999	Nữ	Hà Tây	Quản trị DL&LH	8,5	7,9	5,9	**7,4**	Đạt
348	1653410104	Nguyễn H□ơng	Quỳnh	K5QTDLA	21/02/1998	Nữ	Tỉnh Phú Thọ	Quản trị DL&LH					
349	1753430151	Vũ Xuân	Thành	K5QTDLA	04/03/1999	Nam	Ninh Bình	Quản trị DL&LH	5,7	7	5,4	**6**	Đạt
350	1653410116	Nguyễn Thị Ph□ơng	Thảo	K5QTDLA	30/01/1998	Nữ	Hà Nội	Quản trị DL&LH					
351	1753430162	Nguyễn Thị	Thùy	K5QTDLA	04/11/1999	Nữ	Thanh Hóa	Quản trị DL&LH	8,8	7	6,7	**7,5**	Đạt
352	1753430164	Mai Thị	Thủy	K5QTDLA	10/11/1998	Nữ	Thanh Hóa	Quản trị DL&LH	9,3	8,2	7	**8,2**	Đạt
353	1753430160	Trần Thị Bích	Thúy	K5QTDLA	03/05/1999	Nữ	Phú Thọ	Quản trị DL&LH	7,5	7,9	7	**7,5**	Đạt
354	1653410118	Lê Anh	Th□	K5QTDLA	02/02/1998	Nữ	Tp Hà Nội	Quản trị DL&LH					
355	1753430165	Đặng Thị	Tình	K5QTDLA	07/01/1999	Nữ	Thanh Hóa	Quản trị DL&LH	6,9	5,2	6,6	**6,2**	Đạt
356	1753430167	Nguyễn Minh	Trang	K5QTDLA	10/09/1999	Nữ	Nam Định	Quản trị DL&LH	6,3	7			

357	1653410133	Vũ Lê Thanh	Trúc	K5QTDLA	10/06/1998	Nữ	Hà Nội	Quản trị DL&LH					
358	1753430178	Ngô Anh	Tuấn	K5QTDLA	08/11/1999	Nam	Quảng Ninh	Quản trị DL&LH	5,2	7,9	7,5	**6,9**	Đạt
359	1753430177	Ngô Đình	Tuấn	K5QTDLA	12/03/1999	Nam	Bắc Ninh	Quản trị DL&LH	5,8	7,9	5,6	**6,4**	Đạt
360	1753430183	Hà Quang	Vinh	K5QTDLA	01/02/1999	Nam	Phú Thọ	Quản trị DL&LH	6,9	7,6	7,2	**7,2**	Đạt
361	1753430184	Đặng Thị	Vui	K5QTDLA	10/08/1999	Nữ	Nam Định	Quản trị DL&LH					
362	1753430186	D□ơng Thị	Yến	K5QTDLA	02/01/1999	Nữ	H□ng Yên	Quản trị DL&LH	7,9	7			
363	1653410141	Đỗ Thị	Yến	K5QTDLA	05/05/1998	Nữ	Tỉnh Hà Nam	Quản trị DL&LH					
364	1753430007	Khúc Thị Ph□ơng	Anh	K5QTDLB	18/12/1999	Nữ	Hà Nội	Quản trị DL&LH	7,9	7,9	7	**7,6**	Đạt
365	1753430002	Lê Nguyệt	Anh	K5QTDLB	11/10/1999	Nữ	Quảng Ninh	Quản trị DL&LH	7	6,7	6,4	**6,7**	Đạt
366	1753430003	Nguyễn Thị Kim	Anh	K5QTDLB	15/08/1999	Nữ	Thái Bình	Quản trị DL&LH	7	5,2	7,8	**6,7**	Đạt
367	1753430008	Trần Thị Minh	Anh	K5QTDLB	19/10/1999	Nữ	Tỉnh Quảng Ninh	Quản trị DL&LH	5,5	5,2	8,6	**6,4**	Đạt
368	1753430005	Vũ Quế	Anh	K5QTDLB	16/08/1999	Nữ	Quảng Ninh	Quản trị DL&LH	6,6	5,2	6,6	**6,1**	Đạt
369	1753430020	D□ơng Ngọc	Bảo	K5QTDLB	12/12/1999	Nữ	Tp Hà Nội	Quản trị DL&LH	5,8	5,5	6,2	**5,8**	Đạt
370	1753430021	Trần Văn	Cầu	K5QTDLB	12/01/1999	Nam	Đắk Lắk	Quản trị DL&LH	6,1	7,9	5,7	**6,6**	Đạt
371	1753430040	Phạm Thu	Hà	K5QTDLB	18/12/1999	Nữ	Sơn La	Quản trị DL&LH	8,8	8,2	8	**8,3**	Đạt
372	1753430039	Trần Thu	Hà	K5QTDLB	16/09/1999	Nữ	Lạng Sơn	Quản trị DL&LH	7,3	7,6	8,8	**7,9**	Đạt
373	1753430054	Phạm Thị	Hạnh	K5QTDLB	13/11/1999	Nữ	Hà Tĩnh	Quản trị DL&LH	7	8,8	8,7	**8,2**	Đạt
374	1753430050	Lê Thị	Hằng	K5QTDLB	13/03/1999	Nữ	Tp Hà Nội	Quản trị DL&LH	6,7	9,7	7,4	**7,9**	Đạt
375	1753430062	Nguyễn Đức	Hiếu	K5QTDLB	16/08/1999	Nam	Bắc Giang	Quản trị DL&LH	5,8	7,3			
376	1753430188	Đinh Khánh	Hòa	K5QTDLB	16/02/1998	Nữ	Quảng Ninh	Quản trị DL&LH	8,2	5,5	7,6	**7,1**	Đạt
377	1753430067	Lê Thanh	Hoài	K5QTDLB	17/05/1999	Nữ	Hà Nam	Quản trị DL&LH	7,3	5,5	7	**6,6**	Đạt
378	1753430083	Bế Thu	Huyền	K5QTDLB	17/10/1999	Nữ	Lạng Sơn	Quản trị DL&LH	7	7	7	**7**	Đạt
379	1753430081	Lê Thị	Huyền	K5QTDLB	13/12/1999	Nữ	H?ng Yờn	Quản trị DL&LH	7,9	7	6,4	**7,1**	Đạt
380	1753430085	Lê Thu	Huyền	K5QTDLB	18/02/1999	Nữ	Thanh Hóa	Quản trị DL&LH	6,7	7,6	8,8	**7,7**	Đạt
381	1753430084	Phạm Thị Thúy	Huyền	K5QTDLB	17/06/1999	Nữ	Thanh hóa	Quản trị DL&LH	7,6	8,5	8,2	**8,1**	Đạt
382	1753430082	Trần Thị Thanh	Huyền	K5QTDLB	16/04/1998	Nữ	Hà Tây	Quản trị DL&LH	8,2	7,3	7,3	**7,6**	Đạt
383	1753430073	Bùi Thị	H□ơng	K5QTDLB	16/09/1998	Nữ	Bắc Giang	Quản trị DL&LH	8,8	6,7	7,6	**7,7**	Đạt
384	1753430074	Lê Thị	H□ơng	K5QTDLB	17/06/1999	Nữ	Hà tây	Quản trị DL&LH	7	6,4	8	**7,1**	Đạt
385	1753430094	Nguyễn Thùy	Linh	K5QTDLB	13/01/1999	Nữ	Nghệ An	Quản trị DL&LH	7,3	7			
386	1753430095	Tô Thị Bảo	Linh	K5QTDLB	17/11/1999	Nữ	Cao Bằng	Quản trị DL&LH	7,8	7,3	7,6	**7,6**	Đạt
387	1753430100	Hà Cẩm	Loan	K5QTDLB	12/09/1999	Nữ	Tuyên Quang	Quản trị DL&LH	7,3	8,2	8	**7,8**	Đạt
388	1753430113	Nguyễn Thị	Mai	K5QTDLB	13/01/1999	Nữ	Nghệ An	Quản trị DL&LH	8,5	8,8	7	**8,1**	Đạt
389	1753430114	Vũ Thị	Mẫn	K5QTDLB	18/11/1999	Nữ	Hà nội	Quản trị DL&LH	8,5	7,3	6,4	**7,4**	Đạt
390	1753430118	Lê Bá	Nam	K5QTDLB	11/11/1999	Nam	Thanh Hóa	Quản trị DL&LH	7,3	6,1	6	**6,5**	Đạt
391	1753430119	Lê Quang	Nam	K5QTDLB	11/12/1999	Nam	Sơn La	Quản trị DL&LH	6,4	8,8	9,4	**8,2**	Đạt
392	1753430128	Đàm Thị	Ngọc	K5QTDLB	16/10/1999	Nữ	H□ng Yến	Quản trị DL&LH	7,3	7,3	7	**7,2**	Đạt
393	1753430129	Nguyễn Thị	Ngọc	K5QTDLB	18/01/1999	Nữ	Hà Tây	Quản trị DL&LH	8,8	7	9,4	**8,4**	Đạt
394	1753430134	Nguyễn Thị	Nguyệt	K5QTDLB	13/12/1998	Nữ	Hà Tây	Quản trị DL&LH	7,9	6,7	7,3	**7,3**	Đạt
395	1753430135	Nguyễn Thị	Nhận	K5QTDLB	15/03/1999	Nữ	Hà Giang	Quản trị DL&LH	8,5	8,5	7,6	**8,2**	Đạt
396	1753430136	Trần Yến	Nhi	K5QTDLB	11/11/1999	Nữ	Hà Tây	Quản trị DL&LH	7,9	4,3	5,4	**5,9**	Đạt
397	1753430138	Khang Thị	Nung	K5QTDLB	13/08/1999	Nữ	Yên Bái	Quản trị DL&LH	7,6	5,8	7	**6,8**	Đạt
398	1753430150	Đỗ Đức	Thắng	K5QTDLB	13/07/1999	Nam	Quảng Ninh	Quản trị DL&LH	6,7	6,7	7,3	**6,9**	Đạt
399	1753430156	Nguyễn Thị	Thu	K5QTDLB	18/11/1999	Nữ	Vĩnh Phúc	Quản trị DL&LH	8,2				
400	1753430157	Lê Phúc	Thuần	K5QTDLB	20/01/1999	Nam	Hà Tây	Quản trị DL&LH	7,6	9,1	6,7	**7,8**	Đạt
401	1753430174	Nguyễn Thị Việt	Trinh	K5QTDLB	15/11/1999	Nữ	Bắc Ninh	Quản trị DL&LH	8,2	7,6	7,6	**7,8**	Đạt

402	1753430179	Đỗ Thị Thu	Uyên	K5QTDLB	15/08/1999	Nữ	Hà N?i	Quản trị DL&LH	6,1	6,4	8	**6,8**	Đạt
403	1753430180	Lê Thùy	Vân	K5QTDLB	14/11/1999	Nữ	Hà Nội	Quản trị DL&LH	8,2	6,4	6,8	**7,1**	Đạt
404	1753430187	Lê Thị Hải	Yến	K5QTDLB	15/07/1999	Nữ	Hải D□ơng	Quản trị DL&LH	7,3	8,8	8,8	**8,3**	Đạt
405	1753430011	Nguyễn Đức	Anh	K5QTDLC	22/08/1999	Nam	Hà Nội	Quản trị DL&LH	7,3	7	6,7	**7**	Đạt
406	1753430013	Trần Thị Minh	Anh	K5QTDLC	28/11/1999	Nữ	Hà Tĩnh	Quản trị DL&LH	5,2				
407	1753430010	Vũ Thị Lan	Anh	K5QTDLC	21/10/1999	Nữ		Quản trị DL&LH	6,7	8,5	6,7	**7,3**	Đạt
408	1753430017	Đặng Thị Ngọc	ánh	K5QTDLC	21/08/1999	Nữ	Hà Nam	Quản trị DL&LH	7	5,8	6,4	**6,4**	Đạt
409	1753430018	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	K5QTDLC	25/12/1998	Nữ	Thanh Hóa	Quản trị DL&LH	7,3	5,8	6,3	**6,5**	Đạt
410	1753430027	Nguyễn Thị	Dung	K5QTDLC	22/12/1999	Nữ	Hà Nội	Quản trị DL&LH	7	7,9	8,2	**7,7**	Đạt
411	1753430031	Trần Thị	Duyên	K5QTDLC	24/12/1999	Nữ	Hà Giang	Quản trị DL&LH	7,3	7,9	5,8	**7**	Đạt
412	1753430029	Bùi ánh	D□ơng	K5QTDLC	23/11/1999	Nữ	Hà Nội	Quản trị DL&LH	6,7	7,6	5,8	**6,7**	Đạt
413	1753430030	Đặng Thùy	D□ơng	K5QTDLC	26/10/1999	Nữ	Hà Nội	Quản trị DL&LH	7	7,3	6	**6,8**	Đạt
414	1753430041	Đinh Thị Việt	Hà	K5QTDLC	21/05/1999	Nữ	Quảng Ninh	Quản trị DL&LH	5,5		1,5		
415	1753430043	Lã Thị	Hà	K5QTDLC	25/02/1997	Nữ	Hà Nội	Quản trị DL&LH	6,7	5,5	7,6	**6,6**	Đạt
416	1753430042	Lã Thị Thu	Hà	K5QTDLC	21/08/1999	Nữ	Hà Nam	Quản trị DL&LH	8,2	8,8	6,1	**7,7**	Đạt
417	1753430044	Tr□ơng Thị Thu	Hà	K5QTDLC	27/06/1999	Nữ	Quảng Ninh	Quản trị DL&LH	6,7	6,7	6,2	**6,5**	Đạt
418	1753430061	Nguyễn Thị Khánh	Hiền	K5QTDLC	27/11/1999	Nữ	Bắc Ninh	Quản trị DL&LH	6,7	7,6	8,2	**7,5**	Đạt
419	1753430063	Nguyễn Minh	Hiếu	K5QTDLC	30/10/1999	Nam	Hà Tây	Quản trị DL&LH	7,5	7,6	7,6	**7,6**	Đạt
420	1753430068	Nguyễn Xuân	Hoàng	K5QTDLC	27/11/1999	Nam	Hà Nội	Quản trị DL&LH	6,4	7,6	6,4	**6,8**	Đạt
421	1753430086	Đào Khánh	Huyền	K5QTDLC	22/12/1999	Nữ	Nghệ An	Quản trị DL&LH	7,3	7,9	7,6	**7,6**	Đạt
422	1753430087	Nguyễn Thị Thu	Huyền	K5QTDLC	25/10/1999	Nữ	Hà Nội	Quản trị DL&LH	7,6	7	5,3	**6,6**	Đạt
423	1753430088	Trịnh Thu	Huyền	K5QTDLC	26/06/1999	Nữ	Hà Tây	Quản trị DL&LH	7	4,9			
424	1753430076	Hà Thị	H□ơng	K5QTDLC	23/04/1999	Nữ	Lạng Sơn	Quản trị DL&LH	6,7	7,3	5,3	**6,4**	Đạt
425	1753430089	Nguyễn Mai	Lan	K5QTDLC	20/11/1999	Nữ	Thái Nguyên	Quản trị DL&LH	7,3	7,6	6,1	**7**	Đạt
426	1753430090	Lý Ph□ơng	Lê	K5QTDLC	24/10/1999	Nữ	Hà Giang	Quản trị DL&LH	7,9	7,9	7,8	**7,9**	Đạt
427	1753430098	Lê Thị Thùy	Linh	K5QTDLC	29/06/1999	Nữ	H□ng Yên	Quản trị DL&LH	7,2	7,6	5,5	**6,8**	Đạt
428	1753430099	Nguyễn Diệu	Linh	K5QTDLC	31/07/1999	Nữ	Hà Nội	Quản trị DL&LH	7,6	8,1	6,6	**7,4**	Đạt
429	1753430097	Trần Thị	Linh	K5QTDLC	23/09/1999	Nữ	Nghệ An	Quản trị DL&LH	7	8,5	8,2	**7,9**	Đạt
430	1753430101	Nguyễn Hồng	Loan	K5QTDLC	29/11/1999	Nữ	Quảng Ninh	Quản trị DL&LH	6,1	5,8	6,4	**6,1**	Đạt
431	1753430103	Nông Hồng	Luyến	K5QTDLC	23/05/1999	Nữ	Hà Giang	Quản trị DL&LH	6,4				
432	1753430108	Nguyễn Thị	Lý	K5QTDLC	27/12/1999	Nữ	Hà Tây	Quản trị DL&LH	7,3	8,8	7,6	**7,9**	Đạt
433	1753430112	Đỗ Thị Tuyết	Mai	K5QTDLC	22/10/1999	Nữ	Phú Thọ	Quản trị DL&LH	6,4	8,2	8,9	**7,8**	Đạt
434	1753430111	Lê Thị	Mai	K5QTDLC	21/04/1999	Nữ	Thanh Hóa	Quản trị DL&LH	7	5,7	8,2	**7**	Đạt
435	1753430116	Đoàn Thị Nhật	Minh	K5QTDLC	24/08/1999	Nữ	Thái Bình	Quản trị DL&LH	6,4	6,7	7,2	**6,8**	Đạt
436	1753430125	Lò Thị	Ngân	K5QTDLC	25/03/1999	Nữ	Điện Biên	Quản trị DL&LH	7,5	7,9	6,1	**7,2**	Đạt
437	1753430124	Nguyễn Thị	Ngân	K5QTDLC	23/11/1999	Nữ	Thanh Hóa	Quản trị DL&LH	7	9,4	5,8	**7,4**	Đạt
438	1753430131	Bùi Thị	Ngọc	K5QTDLC	24/04/1999	Nữ	Vĩnh Phúc	Quản trị DL&LH	6,7	6,4			
439	1753430132	Nguyễn Thị	Ngọc	K5QTDLC	27/04/1999	Nữ	Hà Tĩnh	Quản trị DL&LH	7	7	7,6	**7,2**	Đạt
440	1753430141	Nguyễn Thị Hoài	Ph□ơng	K5QTDLC	26/03/1999	Nữ	Hà Tây	Quản trị DL&LH	7	8,5	5,5	**7**	Đạt
441	1753430144	Lê Anh	Quân	K5QTDLC	22/06/1998	Nam	Hà Nội	Quản trị DL&LH	5,5	7	5,8	**6,1**	Đạt
442	1753430145	Lê Minh	Quân	K5QTDLC	25/08/1999	Nam	Hà Nội	Quản trị DL&LH	5,2	6,7	7,1	**6,3**	Đạt
443	1753430148	Đinh Ngọc	Quỳnh	K5QTDLC	20/11/1999	Nữ	Sơn La	Quản trị DL&LH	5,2	5,2	6,1	**5,5**	Đạt
444	1753430154	Bùi Phan Thu	Thảo	K5QTDLC	29/12/1999	Nữ	Sơn La	Quản trị DL&LH	7,3	6,9	5,9	**6,7**	Đạt
445	1753430155	Đặng Minh	Thi	K5QTDLC	28/08/1999	Nữ	Hà Nội	Quản trị DL&LH	7,3	5,5	6,4	**6,4**	Đạt
446	1753430163	Trần Thị	Thùy	K5QTDLC	23/07/1999	Nữ	Hà Nội	Quản trị DL&LH	6,7	5,7	5,8	**6,1**	Đạt

447	1753430173	Lê Thị Kiều	Trang	K5QTDLC	30/11/1997	Nữ	Thái Nguyên	Quản trị DL&LH	7,3	7,9	5,4	**6,9**	Đạt
448	1753430169	Nguyễn Thị	Trang	K5QTDLC	20/11/1999	Nữ	Thái Bình	Quản trị DL&LH	8,2	7,3	6,1	**7,2**	Đạt
449	1753430170	Nguyễn Thị Thu	Trang	K5QTDLC	20/12/1999	Nữ	Hà Nội	Quản trị DL&LH	7	5,5	5,8	**6,1**	Đạt
450	1753430172	Trần Thị Huyền	Trang	K5QTDLC	30/04/1999	Nữ	Ninh Bình	Quản trị DL&LH	6,3	5,5	5,8	**5,9**	Đạt
451	1753430181	Khiếu Cẩm	Vân	K5QTDLC	24/09/1999	Nữ		Quản trị DL&LH	7,6	7,3	6,4	**7,1**	Đạt
452	1753410001	Phùng Thị Lan	Anh	K5QTKDA	02/03/1999	Nữ	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	6,4	5,8			
453	1753410010	Vũ Thị Ngọc	ánh	K5QTKDA	10/09/1999	Nữ	Yên Bái	Quản trị kinh doanh					
454	1753410011	Nguyễn Thị	Cẩm	K5QTKDA	15/01/1999	Nữ	Hà Giang	Quản trị kinh doanh	7,6	8,5	7,4	**7,8**	Đạt
455	1753410013	L□ơng Mạnh	C□ờng	K5QTKDA	02/01/1997	Nam	Lạng Sơn	Quản trị kinh doanh					
456	1753410017	Trần Thị	Dinh	K5QTKDA	05/10/1999	Nữ	Bắc Cạn	Quản trị kinh doanh	7,3	6,1	5,8	**6,4**	Đạt
457	1753410018	Vũ Thị Huyền	Dịu	K5QTKDA	02/02/1999	Nữ	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	7,9	7	7,9	**7,6**	Đạt
458	1753410019	Tạ Thị Ph□ơng	Dung	K5QTKDA	04/11/1998	Nữ	Ninh Bình	Quản trị kinh doanh	6,4	6,8	8,2	**7,1**	Đạt
459	1753410022	Nguyễn Thị	Duyên	K5QTKDA	01/12/1999	Nữ	Thái Bình	Quản trị kinh doanh	6,8	6,7	7,5	**7**	Đạt
460	1753410023	Phạm Thị	Duyên	K5QTKDA	12/08/1999	Nữ	Nam Định	Quản trị kinh doanh	8,4	5,8	6,4	**6,9**	Đạt
461	1753410020	Phan Thùy	D□ơng	K5QTKDA	12/10/1999	Nữ	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	6,1	4,9	8,2	**6,4**	Đạt
462	1753410014	Bùi Tiến	Đạt	K5QTKDA	12/06/1998	Nam	Hà Tây	Quản trị kinh doanh		8,8	7		
463	1753410026	Lê Thị	Hà	K5QTKDA	06/05/1999	Nữ	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	6,7	8,2	5,7	**6,9**	Đạt
464	1753410028	Nguyễn Thúy	Hà	K5QTKDA	15/03/1999	Nữ	Hà Tây	Quản trị kinh doanh	5,8	7,4	7	**6,7**	Đạt
465	1753410046	Vi Thị	Huệ	K5QTKDA	02/02/1999	Nữ	Bắc Cạn	Quản trị kinh doanh	7,6	8,8	8,5	**8,3**	Đạt
466	1753410050	Lê Thị Ngọc	Huyên	K5QTKDA	03/10/1999	Nữ	Cao Bằng	Quản trị kinh doanh	6,7	8,8	6,8	**7,4**	Đạt
467	1753410051	Nguyễn Thị	Huyền	K5QTKDA	05/07/1999	Nữ	Hải D□ơng	Quản trị kinh doanh	6,4	6,4	1,8		
468	1753410052	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	K5QTKDA	14/04/1999	Nữ	Vĩnh Phúc	Quản trị kinh doanh	7	7,3	5,3	**6,5**	Đạt
469	1753410047	L□ờng Thị	H□ơng	K5QTKDA	10/11/1999	Nữ	Điện Biên	Quản trị kinh doanh	6,7	7,9	6,6	**7,1**	Đạt
470	1753410057	Phạm Thị H□ơng	Lan	K5QTKDA	01/10/1999	Nữ	Hà Tây	Quản trị kinh doanh	6,1	7,6	5,1	**6,3**	Đạt
471	1753410060	Nguyễn Ph□ơng	Linh	K5QTKDA	14/08/1999	Nữ	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	5,2	5,8	5,4	**5,5**	Đạt
472	1753410071	Hoàng Thị	Mai	K5QTKDA	06/03/1998	Nữ	Cao Bằng	Quản trị kinh doanh	6,7	6,1	6,4	**6,4**	Đạt
473	1753410072	Lý Thị	Mai	K5QTKDA	07/02/1999	Nữ	Tuyên Quang	Quản trị kinh doanh	6,4	5	5,2	**5,5**	Đạt
474	1753410069	Thào Thị	Mai	K5QTKDA	01/05/1999	Nữ	Lai Châu	Quản trị kinh doanh		7,6	8,1		
475	1753410082	Đinh Tiểu	N□ơng	K5QTKDA	02/10/1999	Nữ	Phú Thọ	Quản trị kinh doanh	7	9,1	7,9	**8**	Đạt
476	1753410084	Nguyễn Xuân	Phúc	K5QTKDA	05/11/1997	Nam		Quản trị kinh doanh	7,6	6,7	8,8	**7,7**	Đạt
477	1753410088	Nguyễn Văn	Quyết	K5QTKDA	14/01/1999	Nam	Bắc Ninh	Quản trị kinh doanh	6,4	6,7	7,4	**6,8**	Đạt
478	1753410089	Nguyễn Thị Thu	Quỳnh	K5QTKDA	07/06/1999	Nữ	Hà Tây	Quản trị kinh doanh	7	6,6			
479	1753410093	Hà Thị Kim	Sinh	K5QTKDA	03/04/1999	Nữ	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	7	6,7	7,5	**7,1**	Đạt
480	1753410094	Mua Thị	Súng	K5QTKDA	04/12/1998	Nữ	Hà Giang	Quản trị kinh doanh	7,3	6,4	6,9	**6,9**	Đạt
481	1753410399	Chu Ngọc	Thái	K5QTKDA	02/05/1997	Nam		Quản trị kinh doanh					
482	1753410099	Trần Thị Thanh	Thanh	K5QTKDA	09/10/1999	Nữ	Hà Tây	Quản trị kinh doanh	7	7	7,4	**7,1**	Đạt
483	1753410103	Hoàng Thị Kim	Thảo	K5QTKDA	14/12/1998	Nữ	Vĩnh Phúc	Quản trị kinh doanh	6,4	6,1	5,2	**5,9**	Đạt
484	1753410102	Nguyễn Ph□ơng	Thảo	K5QTKDA	08/10/1999	Nữ	Hà Tây	Quản trị kinh doanh	7	5,5	6,8	**6,4**	Đạt
485	1753410108	Tr□ơng Thị	Thoa	K5QTKDA	06/12/1999	Nữ	Bắc Ninh	Quản trị kinh doanh	7,3	6,7	8,2	**7,4**	Đạt
486	1753410109	Trịnh Thị Thùy	Thơm	K5QTKDA	10/11/1999	Nữ	Quảng Ninh	Quản trị kinh doanh	6,4	5,2	6,8	**6,1**	Đạt
487	1753410110	Vũ Thị	Thu	K5QTKDA	07/12/1999	Nữ	Hải D□ơng	Quản trị kinh doanh	7,3	6,7	7,8	**7,3**	Đạt
488	1753410111	Nguyễn Đoàn Lê	Th□ơng	K5QTKDA	01/05/1998	Nữ	Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	7,9	6,7	6	**6,9**	Đạt
489	1753410116	Nguyễn Thị	Tình	K5QTKDA	04/07/1999	Nữ	Hà tây	Quản trị kinh doanh	7,8	6,4	8,6	**7,6**	Đạt
490	1753410121	Nghiêm ánh	Tuyết	K5QTKDA	14/06/1999	Nữ	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	6,1	5,8	8,2	**6,7**	Đạt
491	1753410128	Bùi Thị Mai	Vân	K5QTKDA	05/07/1999	Nữ	Thái Bình	Quản trị kinh doanh	8,8	7,6	7	**7,8**	Đạt

492	1753410127	Vũ Thị Thanh	Vân	K5QTKDA	06/03/1999	Nữ	Hải D□ơng	Quản trị kinh doanh	7	7			
493	1753410131	Nguyễn Thị	Xuân	K5QTKDA	23/12/1999	Nữ	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	5,8	5,2			
494	1753410007	Đặng Minh	Anh	K5QTKDB	26/01/1999	Nữ	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	7,6	5,9	7,3	**6,9**	Đạt
495	1753410006	Hoàng Thị Lan	Anh	K5QTKDB	22/10/1999	Nữ	Hà Giang	Quản trị kinh doanh	8,6	5,6	7,7	**7,3**	Đạt
496	1753410004	Ngô Hoàng	Anh	K5QTKDB	20/04/1999	Nữ	Phú Yên	Quản trị kinh doanh	5,5	5,8	5	**5,4**	Đạt
497	1753410003	Nguyễn Thị Mai	Anh	K5QTKDB	18/09/1999	Nữ	Phú Thọ	Quản trị kinh doanh	6,7	4,9	6,8	**6,1**	Đạt
498	1753410031	Ninh Vũ Hải	Anh	K5QTKDB	19/12/1998	Nữ	Nam Định	Quản trị kinh doanh					
499	1753410012	Nguyễn Kim	Chi	K5QTKDB	25/05/1999	Nữ	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	7		6,4		
500	1753410016	Đinh Ngọc	Diệp	K5QTKDB	24/07/1999	Nữ	Tuyên Quang	Quản trị kinh doanh	7,4	6,4	7,1	**7**	Đạt
501	1753410024	Tòng Thị	Duyên	K5QTKDB	19/12/1999	Nữ	Sơn La	Quản trị kinh doanh	6,7	5,8	6,2	**6,2**	Đạt
502	1753410015	Vũ Thị	Đạt	K5QTKDB	26/03/1999	Nữ	Thái Bình	Quản trị kinh doanh	7,6	7,6	8	**7,7**	Đạt
503	1753410036	Phạm Thị	Hậu	K5QTKDB	19/05/1999	Nữ	Phú Thọ	Quản trị kinh doanh	7	7,3	6,1	**6,8**	Đạt
504	1753410039	Trịnh Văn	Hiếu	K5QTKDB	21/09/1999	Nam	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	5,8	7,9	8,3	**7,3**	Đạt
505	1753410043	Nguyễn Thị	Hồng	K5QTKDB	28/02/1998	Nữ	Hà Tây	Quản trị kinh doanh	6,1	6,1	6,8	**6,3**	Đạt
506	1753410044	Nguyễn Thị Nh□	Huế	K5QTKDB	20/02/1999	Nữ	Hà tây	Quản trị kinh doanh	7,6	6,7	6,7	**7**	Đạt
507	1753410053	Nguyễn Thanh	Huyền	K5QTKDB	22/10/1999	Nữ	Nam Định	Quản trị kinh doanh	7,3	3,7	7,7		
508	1753410048	Trần Diệu	H□ơng	K5QTKDB	16/04/1999	Nữ	Quảng Trị	Quản trị kinh doanh	7,6	8,2	5,9	**7,2**	Đạt
509	1753410055	Hoàng Văn	Khôi	K5QTKDB	17/03/1999	Nam	Tuyên Quang	Quản trị kinh doanh		6,7	7,3		
510	1753410056	Vũ Thị Kim	Kiều	K5QTKDB	29/05/1999	Nữ	Hải D□ơng	Quản trị kinh doanh	6,1	6,4	6,4	**6,3**	Đạt
511	1753410065	Đào Nhật	Linh	K5QTKDB	25/07/1999	Nữ	Sơn La	Quản trị kinh doanh	5,5	5,5	7,4	**6,1**	Đạt
512	1753410062	Đỗ Mạnh	Linh	K5QTKDB	18/01/1999	Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	7	7,4			
513	1753410063	Nguyễn Thị Khánh	Linh	K5QTKDB	21/07/1999	Nữ	Bắc Ninh	Quản trị kinh doanh	7	7	5,8	**6,6**	Đạt
514	1753410061	Nguyễn Yến	Linh	K5QTKDB	17/08/1999	Nữ	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	7,6	6,7	0		
515	1753410067	Nguyễn Tiến	Lợi	K5QTKDB	23/09/1999	Nam	Hà Tây	Quản trị kinh doanh	5,3	5,8			
516	1753410068	L□ờng Thị	L□u	K5QTKDB	20/06/1999	Nữ	Điện Biên	Quản trị kinh doanh					
517	1753410073	Nguyễn Trần H□ơng	Mai	K5QTKDB	22/07/1999	Nữ	Hà Nam	Quản trị kinh doanh	6,1	8,1	7,3	**7,2**	Đạt
518	1753410074	Nông Thị	Mến	K5QTKDB	19/03/1999	Nữ	Cao Bằng	Quản trị kinh doanh	7,9	6,3	7,9	**7,4**	Đạt
519	1753410075	Phạm Thị Thu	Minh	K5QTKDB	25/11/1999	Nữ	Hà Tây	Quản trị kinh doanh	7,6	4,6	8,2	**6,8**	Đạt
520	1753410078	Nguyễn Thị Kim	Ngân	K5QTKDB	30/09/1999	Nữ	Hà Tây	Quản trị kinh doanh	7,9	7,5	7,4	**7,6**	Đạt
521	1753410079	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	K5QTKDB	23/04/1999	Nữ	Hà Nam	Quản trị kinh doanh	7,3		6,2		
522	1753410081	Đặng Hồng	Nhung	K5QTKDB	23/09/1999	Nữ	Vĩnh Phúc	Quản trị kinh doanh		6,7	7,3		
523	1753410086	Bùi Văn	Phúc	K5QTKDB	30/03/1999	Nam	Thái Bình	Quản trị kinh doanh	8,2	9,1			
524	1753410091	Lê Thị Thúy	Quỳnh	K5QTKDB	20/10/1999	Nữ	Thanh Hoá	Quản trị kinh doanh	7,6	6,7	7,1	**7,1**	Đạt
525	1753410096	Nguyễn Thị	Tấm	K5QTKDB	16/08/1999	Nữ	Phú Thọ	Quản trị kinh doanh	7	6,7	8,6	**7,4**	Đạt
526	1753410100	Nguyễn Thị	Thanh	K5QTKDB	24/05/1999	Nữ	Thái Bình	Quản trị kinh doanh	7,6	6,4	5,3	**6,4**	Đạt
527	1753410101	Nguyễn Thị Kim	Thanh	K5QTKDB	31/01/1999	Nữ	Yên Bái	Quản trị kinh doanh	7,3	7,6	6,7	**7,2**	Đạt
528	1753410104	Lê Thị	Thảo	K5QTKDB	19/07/1999	Nữ	Quảng Ninh	Quản trị kinh doanh	7	7,1	7,2	**7,1**	Đạt
529	1753410105	Nguyễn Mai Ph□ơng	Thảo	K5QTKDB	24/08/1999	Nữ	Sơn La	Quản trị kinh doanh	8,2	6,8	8,2	**7,7**	Đạt
530	1753410097	Cao Thị Hồng	Thắm	K5QTKDB	20/10/1999	Nữ	Hà Nam	Quản trị kinh doanh	6,7	7,9	5,9	**6,8**	Đạt
531	1753410107	Đỗ Minh	Thơ	K5QTKDB	21/09/1999	Nữ	Hà Tây	Quản trị kinh doanh	6,1	6,5	6,4	**6,3**	Đạt
532	1753410112	Bế Thị Hoài	Th□ơng	K5QTKDB	19/03/1999	Nữ		Quản trị kinh doanh	7,3	8,5	5,8	**7,2**	Đạt
533	1753410113	Đỗ Thị	Th□ơng	K5QTKDB	23/07/1999	Nữ	Hà Tây	Quản trị kinh doanh	7,9		7,6		
534	1753410115	Vũ Mạnh	Tiến	K5QTKDB	25/09/1996	Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	6,1	8,2	8,5	**7,6**	Đạt
535	1753410119	Đào Mai	Trang	K5QTKDB	22/11/1999	Nữ	Hà Tây	Quản trị kinh doanh		7,9	7		
536	1753410120	Nguyễn Thị Hà	Trang	K5QTKDB	29/06/1999	Nữ	Ninh Bình	Quản trị kinh doanh	7,3	4,9	6,2	**6,1**	Đạt

537	1753410122	Lê ánh	Tuyết	K5QTKDB	19/08/1999	Nữ	Hà Tây	Quản trị kinh doanh	6,7	6,1	6,2	**6,3**	Đạt
538	1753410129	Chu Nguyễn Hà	Vân	K5QTKDB	23/02/1999	Nữ	Phú Thọ	Quản trị kinh doanh	6,1	6,7	7,7	**6,8**	Đạt
539	1753240005	Trần Tú	Anh	K5TTPTA	15/08/1999	Nữ	Hà Nội	Truyền thông ĐPT	5,2		5,2		
540	1753240012	Phạm Văn	Ban	K5TTPTA	03/05/1997	Nam	H□ng Yên	Truyền thông ĐPT	6,4	7,8	5,4	**6,5**	Đạt
541	1753240022	V□ơng Đức	D□ợc	K5TTPTA	12/12/1999	Nam	Hà tây	Truyền thông ĐPT	5,5	6,4			
542	1753240130	Nguyễn H□ơng	Giang	K5TTPTA	05/06/1999	Nữ	Hà Nội	Truyền thông ĐPT	6,1	4,3	6,2	**5,5**	Đạt
543	1753240027	Nguyễn Ly	Giang	K5TTPTA	06/07/1999	Nữ	Yên Bái	Truyền thông ĐPT	8,2	7	5,5	**6,9**	Đạt
544	1753240033	Ngô Hồng	Hải	K5TTPTA	09/06/1999	Nam	Hà Nội	Truyền thông ĐPT					
545	1753240036	Bùi Thị	Hạnh	K5TTPTA	10/09/1999	Nữ	Hà Nội	Truyền thông ĐPT	8,2	6,1	5,4	**6,6**	Đạt
546	1753240037	Quản Thục	Hạnh	K5TTPTA	13/02/1999	Nữ	Hà Nội	Truyền thông ĐPT	7,9	5,5	5,8	**6,4**	Đạt
547	1753240040	Đinh Thị Thanh	Hiếu	K5TTPTA	05/08/1999	Nữ	Sơn La	Truyền thông ĐPT	5,8		5,5		
548	1753240041	Trần Minh	Hiếu	K5TTPTA	09/03/1999	Nam	Hà Nội	Truyền thông ĐPT	6,4	8	5,6	**6,7**	Đạt
549	1753240042	Nguyễn Thị	Hoàn	K5TTPTA	12/10/1999	Nữ	Hà Tây	Truyền thông ĐPT	7,6	7,5	8,2	**7,8**	Đạt
550	1753240044	Nguyễn Thị	Hồi	K5TTPTA	13/10/1999	Nữ	Quảng Ninh	Truyền thông ĐPT	7,6	6,7	5,2	**6,5**	Đạt
551	1753240049	Đoàn Thị Thu	Huyền	K5TTPTA	11/09/1999	Nữ	Nam Định	Truyền thông ĐPT	6,4	5,5	5,2	**5,7**	Đạt
552	1753240050	Nguyễn Ngọc	Huyền	K5TTPTA	13/10/1999	Nữ	Quảng Ninh	Truyền thông ĐPT	7,3	5,5			
553	1753240056	Nguyễn Thị	Liên	K5TTPTA	15/06/1998	Nữ	Hà tây	Truyền thông ĐPT	7	5,8	5,7	**6,2**	Đạt
554	1753240061	Đinh Mai	Linh	K5TTPTA	12/10/1999	Nữ	Hà nội	Truyền thông ĐPT	7,3	5,5	5,8	**6,2**	Đạt
555	1753240062	Nguyễn Duy	Linh	K5TTPTA	13/06/1999	Nam	Bình Ph□ớc	Truyền thông ĐPT	6,7	8,3	7,3	**7,4**	Đạt
556	1753240059	Nguyễn Đoàn H□ơng	Linh	K5TTPTA	08/04/1999	Nữ	Hải D□ơng	Truyền thông ĐPT	7,3	6,1	6,1	**6,5**	Đạt
557	1753240060	Nguyễn Thùy	Linh	K5TTPTA	10/12/1999	Nữ	Thanh Hóa	Truyền thông ĐPT	6,9	5,4	6,1	**6,1**	Đạt
558	1753240064	V□ơng Văn	Luân	K5TTPTA	08/03/1999	Nam	Hà Tây	Truyền thông ĐPT		6,7	7,4		
559	1753240065	Nguyễn Tiến	Lực	K5TTPTA	14/04/1999	Nam	Lào Cai	Truyền thông ĐPT					
560	1753240070	Vy Thị Ngọc	Mai	K5TTPTA	10/09/1998	Nữ	Tuyên Quang	Truyền thông ĐPT	7				
561	1753240071	Đoàn Việt	Mạnh	K5TTPTA	11/02/1999	Nam	Thái Bình	Truyền thông ĐPT		6,7	5,4		
562	1753240077	Nguyễn Hồ Tuấn	Nam	K5TTPTA	07/07/1999	Nam	Tuyên Quang	Truyền thông ĐPT					
563	1753240080	Lê Bích	Ngọc	K5TTPTA	15/02/1999	Nữ	Hà Nội	Truyền thông ĐPT	7,3	5,8	6	**6,4**	Đạt
564	1753240079	Ngô Thị Bảo	Ngọc	K5TTPTA	01/12/1999	Nữ	Gia Lai	Truyền thông ĐPT	7	5,7	5,5	**6,1**	Đạt
565	1753240082	D□ơng Thị Yến	Nhi	K5TTPTA	13/01/1999	Nữ	Thanh Hóa	Truyền thông ĐPT	7,2	7,3	5,8	**6,8**	Đạt
566	1753240084	Trần Thị Hải	Nhung	K5TTPTA	12/09/1999	Nữ	Hà Nội	Truyền thông ĐPT	7	5,2	5,4	**5,9**	Đạt
567	1753240090	Lê Minh	Ph□ơng	K5TTPTA	08/08/1999	Nữ	Hà Nội	Truyền thông ĐPT	7,6	5,2	5,8	**6,2**	Đạt
568	1753240089	Nguyễn Nh□	Ph□ơng	K5TTPTA	01/02/1999	Nữ	Hải Phòng	Truyền thông ĐPT	7	7,1	7	**7**	Đạt
569	1753240094	Trần Ngọc	Quỳnh	K5TTPTA	07/12/1999	Nữ	Bắc Ninh	Truyền thông ĐPT	8,1	5,7	5,2	**6,3**	Đạt
570	1753240095	Trần Thị Minh	Tâm	K5TTPTA	13/04/1999	Nữ	Nam Định	Truyền thông ĐPT	7,3	5,3	6,5	**6,4**	Đạt
571	1753240096	Vũ Thị Hồng	Thắm	K5TTPTA	13/04/1999	Nữ		Truyền thông ĐPT	6,6	6,6	6,3	**6,5**	Đạt
572	1753240108	Đoàn Thị	Thủy	K5TTPTA	01/12/1999	Nữ	Thanh Hóa	Truyền thông ĐPT	6,4	6,1	6,7	**6,4**	Đạt
573	1753240109	Nguyễn Bích	Thủy	K5TTPTA	08/07/1999	Nữ	Hà Nội	Truyền thông ĐPT	7,3	6,8	5,2	**6,4**	Đạt
574	1753240105	Hoàng Diệu	Thúy	K5TTPTA	14/09/1999	Nữ	Hà Nội	Truyền thông ĐPT	6,4	6,4	5,8	**6,2**	Đạt
575	1753240103	Phạm Anh	Th□	K5TTPTA	10/07/1999	Nữ	Hà Nội	Truyền thông ĐPT	7,3	6,7	6,4	**6,8**	Đạt
576	1753240110	Doãn Quỳnh	Trang	K5TTPTA	07/11/1999	Nữ	Hà Tây	Truyền thông ĐPT	7				
577	1753240112	Đinh Thị Thu	Trang	K5TTPTA	10/11/1999	Nữ	Ninh Bình	Truyền thông ĐPT	7	5,2			
578	1753240111	Ngô Huyền	Trang	K5TTPTA	09/09/1999	Nữ	Hà Nội	Truyền thông ĐPT	7,3	4,9	5,8	**6**	Đạt
579	1753240118	Đới Thị	Trinh	K5TTPTA	07/09/1999	Nữ	Thanh Hóa	Truyền thông ĐPT	6,4	7	6,6	**6,7**	Đạt
580	1753240124	Nguyễn Anh	Tuấn	K5TTPTA	03/08/1999	Nam	H□ng Yên	Truyền thông ĐPT		5,8	6,4		
581	1753240125	Nguyễn Ngọc Anh	Tuấn	K5TTPTA	05/10/1999	Nam	Ninh Bình	Truyền thông ĐPT					

582	1753240126	Ngô Thu	Uyên	K5TTPTA	03/05/1999	Nữ	Yên Bái	Truyền thông ĐPT	7,8	5,6	5,7	**6,4**	Đạt
583	1753240127	Nguyễn Ph□ơng	Uyên	K5TTPTA	15/05/1999	Nữ	Hà Nội	Truyền thông ĐPT	7	5,3	6,3	**6,2**	Đạt
584	1753240129	Phan Hà Anh	Vũ	K5TTPTA	14/11/1999	Nữ	Hà Tây	Truyền thông ĐPT	8,5	6,1	5,2	**6,6**	Đạt
585	1753240004	Nguyễn Thị Ngọc	ễnh	K5TTPTA	09/11/1999	Nữ		Truyền thông ĐPT			6,2		
586	1753240007	Hoàng Thị Vân	Anh	K5TTPTB	18/07/1999	Nữ	Yên Bái	Truyền thông ĐPT	7	7,6	5,9	**6,8**	Đạt
587	1753240010	L□ờng Thị Tú	Anh	K5TTPTB	28/12/1999	Nữ	Sơn La	Truyền thông ĐPT	6,4	5,8	6,4	**6,2**	Đạt
588	1753240009	Nguyễn Ph□ơng	Anh	K5TTPTB	22/03/1999	Nữ	Hà Nội	Truyền thông ĐPT	7	5,2	7,3	**6,5**	Đạt
589	1753240006	Trần Đức	Anh	K5TTPTB	17/02/1999	Nam	Hà Nội	Truyền thông ĐPT	7,9	5,2	5,8	**6,3**	Đạt
590	1753240013	Đinh Ngọc Minh	Châu	K5TTPTB	16/11/1999	Nữ	Phú Thọ	Truyền thông ĐPT	7,3	5,2	6,8	**6,4**	Đạt
591	1753240014	Nguyễn Đỗ Ngọc Min	Châu	K5TTPTB	30/09/1999	Nữ	Hà Nội	Truyền thông ĐPT		6,1	5,2		
592	1753240015	Nguyễn Linh	Chi	K5TTPTB	21/11/1999	Nữ	Hà Giang	Truyền thông ĐPT	7	5,2	5,2	**5,8**	Đạt
593	1753240016	Vũ Thị Tú	Chinh	K5TTPTB	17/09/1999	Nữ	Thái Bình	Truyền thông ĐPT		5,3			
594	1753240020	Lê Thị Thùy	Dung	K5TTPTB	25/11/1999	Nữ	Hà Nội	Truyền thông ĐPT	5,8	6,1	6,4	**6,1**	Đạt
595	1753240021	Hà Mạnh	Dũng	K5TTPTB	23/08/1999	Nam	Quảng Ninh	Truyền thông ĐPT		4,9	8,6		
596	1753240023	Nguyễn Thùy	D□ơng	K5TTPTB	16/02/1999	Nữ	Hà Nội	Truyền thông ĐPT	6,4	4,6	6,8	**5,9**	Đạt
597	1753240025	Lại Ph□ợng	Gấm	K5TTPTB	24/10/1999	Nữ	Hà Nội	Truyền thông ĐPT	6,1				
598	1753240030	Đặng Huy	Giáo	K5TTPTB	25/01/1999	Nam	Hà Tây	Truyền thông ĐPT	6,1	8,8	9,7	**8,2**	Đạt
599	1753240032	Lê Thị Thu	Hà	K5TTPTB	21/10/1999	Nữ	Thanh Hóa	Truyền thông ĐPT					
600	1753240200	Nguyễn Thị Hồng	Hà	K5TTPTB	12/11/1999	Nữ	Phú Thọ	Truyền thông ĐPT	6,4	6,4	8,8	**7,2**	Đạt
601	1753240034	Phạm Ngọc	Hải	K5TTPTB	30/08/1999	Nữ	Thái Bình	Truyền thông ĐPT	6,1	4,6	5,8	**5,5**	Đạt
602	1753430052	Nguyễn Minh	Hằng	K5TTPTB	07/04/1999	Nữ	Hà Nội	Truyền thông ĐPT	7,9	6,1	5,9	**6,6**	Đạt
603	1753240043	L□u Việt	Hoàng	K5TTPTB	25/08/1999	Nam	Hà Nội	Truyền thông ĐPT	6,1	7,9	9,1	**7,7**	Đạt
604	1753240045	Trần Thị	Huế	K5TTPTB	16/02/1999	Nữ	Yên Bái	Truyền thông ĐPT	7	7,3	6,4	**6,9**	Đạt
605	1753240052	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	K5TTPTB	18/12/1999	Nữ	Hà Nội	Truyền thông ĐPT	5,5	5,8	5,3	**5,5**	Đạt
606	1753240051	Nguyễn Thị Thu	Huyền	K5TTPTB	17/04/1999	Nữ	Nam Định	Truyền thông ĐPT	7	7	6,8	**6,9**	Đạt
607	1753240048	Đinh Thu	H□ơng	K5TTPTB	27/02/1999	Nữ	Yên Bái	Truyền thông ĐPT	7	7,9	6,7	**7,2**	Đạt
608	1753240046	Nguyễn Thu	H□ơng	K5TTPTB	22/10/1999	Nữ		Truyền thông ĐPT					
609	1753240053	Nguyễn Đăng	Khoa	K5TTPTB	29/11/1999	Nam	Hà tây	Truyền thông ĐPT					
610	1753240055	Hoàng Thị	Lan	K5TTPTB	16/09/1999	Nữ	Hải D□ơng	Truyền thông ĐPT	5,5	6,7	6,4	**6,2**	Đạt
611	1753240063	Nguyễn Diệu	Linh	K5TTPTB	17/08/1999	Nữ	Hà Tây	Truyền thông ĐPT	5,2	6,1	3		
612	1753240066	Lê Thị Hiền	L□ơng	K5TTPTB	25/10/1999	Nữ	Hà Tây	Truyền thông ĐPT	6,1	7,6	8,5	**7,4**	Đạt
613	1753240069	Nông Hồng	Lý	K5TTPTB	26/03/1999	Nữ	Bắc Kan	Truyền thông ĐPT	5,5	6,7	6,2	**6,1**	Đạt
614	1753240073	Nguyễn Diệp	Minh	K5TTPTB	23/09/1998	Nữ	Hà Nội	Truyền thông ĐPT	5,5	5	6,4	**5,6**	Đạt
615	1753240074	Trần Hoàng	Minh	K5TTPTB	31/08/1999	Nữ	Hà Nội	Truyền thông ĐPT	7,6	4,6	7,7	**6,6**	Đạt
616	1753240076	Vũ Trà	My	K5TTPTB	27/03/1999	Nữ	Hà Nội	Truyền thông ĐPT	5,8				
617	1753240083	Cao Trúc	Nhi	K5TTPTB	17/12/1997	Nữ		Truyền thông ĐPT	6,7				
618	1753240085	Nguyễn Hồng	Nhung	K5TTPTB	07/03/1999	Nữ	Yên Bái	Truyền thông ĐPT	6,1	7,3	8,2	**7,2**	Đạt
619	1753240088	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	K5TTPTB	17/01/1999	Nữ	Hà Tây	Truyền thông ĐPT	6,1	7	8	**7**	Đạt
620	1753240092	Lê Trần	Ph□ơng	K5TTPTB	28/01/1997	Nữ	Hà Tây	Truyền thông ĐPT	7,3	5,2	6,1	**6,2**	Đạt
621	1753240100	Trần Thị	Thảo	K5TTPTB	21/01/1999	Nữ	Bắc Ninh	Truyền thông ĐPT	6,4	5,8	7,6	**6,6**	Đạt
622	1753240102	Nguyễn Trọng	Thể	K5TTPTB	25/05/1998	Nam	Hà Tây	Truyền thông ĐPT					
623	1753240107	Hoàng Thị	Thúy	K5TTPTB	25/10/1999	Nữ	Hà Nội	Truyền thông ĐPT	7,3	5,2	6,4	**6,3**	Đạt
624	1753240106	Nguyễn Thị	Thúy	K5TTPTB	20/11/1999	Nữ	Đắk Lắk	Truyền thông ĐPT	7,9	6,1	7,9	**7,3**	Đạt
625	1753240104	Nguyễn Thị	Th□	K5TTPTB	21/09/1999	Nữ	Bắc Ninh	Truyền thông ĐPT	8,2	6,8	5,7	**6,9**	Đạt
626	1753240114	Lê Thị	Trang	K5TTPTB	20/10/1999	Nữ	Thanh Hóa	Truyền thông ĐPT	6,4	7,3	5,5	**6,4**	Đạt

627	1753240113	Nguyễn Thị Huyền	Trang	K5TTPTB	16/03/1999	Nữ	Hà Nội	Truyền thông ĐPT	7,3	9,4	6,5	**7,7**	Đạt
628	1753240116	Phạm Vân	Trang	K5TTPTB	30/07/1999	Nữ	Hà Nội	Truyền thông ĐPT	7	5,1	5,5	**5,9**	Đạt
629	1753240117	Vũ Thị	Trang	K5TTPTB	31/07/1999	Nữ	Thái Bình	Truyền thông ĐPT	7	4,6	5,2	**5,6**	Đạt
630	1753240119	Đào Ngọc	Trinh	K5TTPTB	28/06/1999	Nữ	Hà Nội	Truyền thông ĐPT	6,1	3,7	5		
631	1753240120	Nguyễn Vũ Ph□ơng	Trinh	K5TTPTB	22/07/1999	Nữ	Hà Nội	Truyền thông ĐPT	5,5	3,7	5		
632	1753240122	Nguyễn Anh	Tú	K5TTPTB	22/01/1999	Nam	Hà Nội	Truyền thông ĐPT					
633	1753240123	Nguyễn Đức	Tuân	K5TTPTB	17/11/1999	Nam	Nam Định	Truyền thông ĐPT					